

# KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tháng 05/2026

# MỤC LỤC

<b>Tóm tắt</b>	<b>03</b>
<b>Kinh tế vĩ mô</b>	<b>04</b>
<b>Tổng quan TTCK tháng 04</b>	<b>11</b>
<b>Triển vọng TTCK tháng 05</b>	<b>24</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 05</b>	<b>26</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị 2026</b>	<b>27</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ</b>	<b>37</b>



## CÓ GÌ TRONG BÁO CÁO NÀY?

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

- CPI tháng 4 tăng 5,46% cho thấy áp lực lạm phát vẫn chủ yếu đến từ phía tổng cung, đặc biệt là nhiên liệu, và dư địa bình ổn giá thông qua giảm thuế phí đang dần thu hẹp nếu gián đoạn nguồn cung quốc tế kéo dài.
- Tháng 04/2026 khép lại với một mặt bằng thị trường nhìn chung ổn định: tỷ giá đi ngang vùng cao, lãi suất liên ngân hàng duy trì trong một trật tự, OMO và lợi suất TPCP không xuất hiện biến động đáng kể. Tuy nhiên, điểm nhấn thực sự lại không nằm ở các con số ngắn hạn, mà đến từ một yếu tố mang tính “định hình cuộc chơi”. Dự thảo Thông tư mới thay thế TT22/2019/TT-NHNN đang mở ra một hướng tiếp cận hoàn toàn khác trong quản trị thanh khoản và tỷ lệ an toàn, với nhiều thay đổi có thể tạo ra phân hóa ngày càng rõ nét giữa các nhóm ngân hàng. Nếu vẫn giữ nguyên và được thông qua, đây có thể là bước ngoặt âm thầm nhưng sâu rộng đối với cấu trúc vốn, chiến lược huy động và hành vi tín dụng của toàn hệ thống.
- Tổng lợi nhuận sau thuế của 803 doanh nghiệp trên cả 3 sàn đã công bố BCTC Quý I tăng 38,2% YoY chủ yếu nhờ mức tăng mạnh tại nhóm Phi tài chính (+69,8% YoY) xuất phát chủ yếu từ nhóm cổ phiếu Bất động sản (+55,5% YoY) với VHM (+866%) chiếm tới 84% toàn ngành trong khi nhóm Tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính) tăng 14,4% do đà tăng chậm lại của nhóm ngân hàng. Xét theo vốn hóa, nhóm Midcap đại diện là chỉ số VNMid tăng đột biến 82,6%, VN30 tăng cao nhất trong vòng 8 quý trong khi nhóm Smallcap dù mức tăng cao hơn Quý IV/25 nhưng vẫn ở mức thấp.
- Chúng tôi có đánh giá lại các ngành nghề có thể tốt trong tháng 5/2026 ở mức độ ngắn hạn như theo thứ tự là ngành chứng khoán, bất động sản dân cư, ngân hàng, thép. Mặc dù thị trường quay lại vùng đỉnh cao nhất lịch sử nhưng do hiệu ứng nhóm VIN nên nhà đầu tư vẫn khá thận trọng với diễn biến của thị trường trong tháng 4 vừa qua và cả trong tháng 5 tới đây.
- Trong tháng này danh mục của chúng tôi có sự điều chỉnh thêm mới 1 số mã như VPB, MSB, VCB, DCM trong khi vẫn tiếp tục duy trì các mã có nền tảng cơ bản tốt và kinh doanh ổn định cũng như nền định giá phù hợp với tốc độ tăng trưởng như HPG, MBB, REE, MWG, SSI, VIX...



# KINH TẾ VĨ MÔ

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

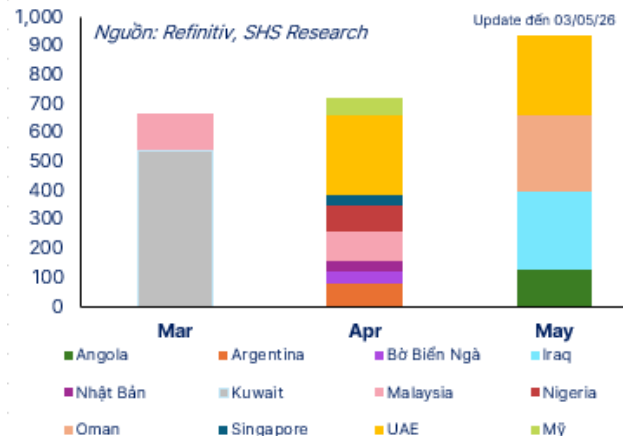
Giá Spot dầu Brent (USD/Barrel)



Nhập khẩu dầu thô Việt Nam (Đvt: Kiloton)



Nguồn nhập dầu sau khi xung đột Trung Đông bùng nổ

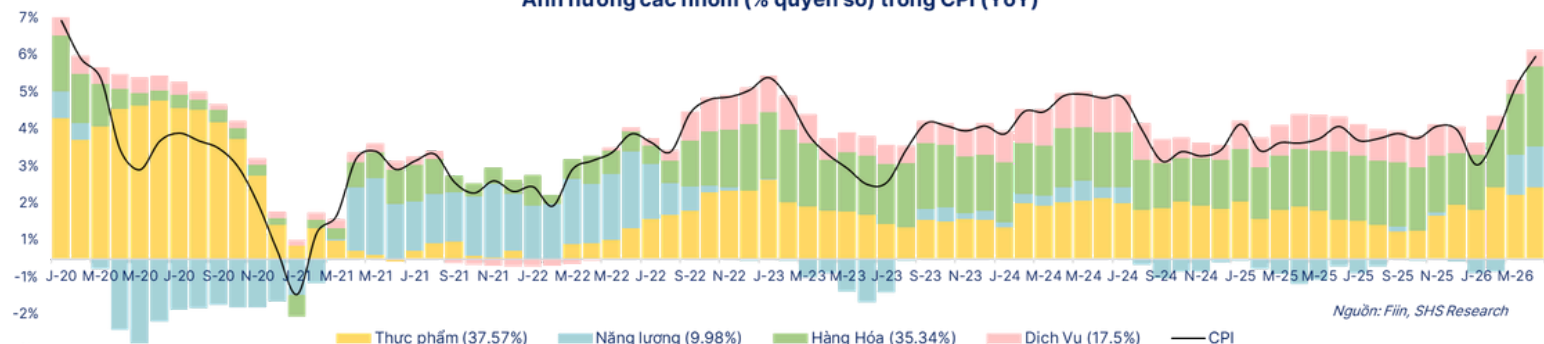


Từ 2 biểu đồ trên, có thể thấy nhập khẩu dầu thô của Việt Nam đã giảm đột ngột và rõ rệt từ đầu tháng 3/2026, trùng khớp với thời điểm chiến sự Trung Đông bùng nổ, **phản ánh cú sốc nguồn cung mang tính thực tế hơn là chỉ biến động giá**. Điều đáng chú ý nằm ở cấu trúc nguồn nhập: giai đoạn trước đó Việt Nam có mức độ phụ thuộc lớn vào Kuwait, từ tháng 4 đổ ra và phần dự kiến cho tháng 5, cơ cấu nguồn cung bắt đầu đa dạng hóa rõ rệt (thêm Angola, UAE, Oman, Mỹ, Nigeria...), cho thấy phản ứng chính sách và phản ứng thị trường đã diễn ra nhanh: các đầu mối nhập khẩu đang chủ động “mở rộng giỏ” để giảm rủi ro phụ thuộc Trung Đông (Mặt trái: chi phí logistics và premium giá dầu theo từng nguồn có thể tăng lên).

Trong tháng 4/2026, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 5,46% so với cùng kỳ, phản ánh một áp lực lạm phát vẫn hiện hữu trong nền kinh tế, nhưng cấu trúc của áp lực này không đơn thuần xuất phát từ nhu cầu nội địa tăng nóng mà chủ yếu đến từ các biến động giá đầu vào đặc biệt là giá nhiên liệu từ đó **tác động vào mặt Tổng Cung của Lạm Phát**. Trọng số của nhóm nhiên liệu trong rổ CPI gần 9.98% khiến cho biến động giá xăng, dầu có tác động lan tỏa mạnh đến tổng chỉ số và trong tháng qua, dù CPI có tăng, sự “nóng” của giá năng lượng phần nào được làm dịu bởi các biện pháp can thiệp của Chính phủ. Giảm thuế phí đối với xăng dầu đã đóng vai trò như một “bộ đệm chính sách” giúp giảm bớt đà tăng trực tiếp từ giá thế giới vào giá bán lẻ trong nước, hạn chế một cú nhảy vọt CPI mạnh như từng thấy trong các giai đoạn biến động chi phí đầu vào trước đây.

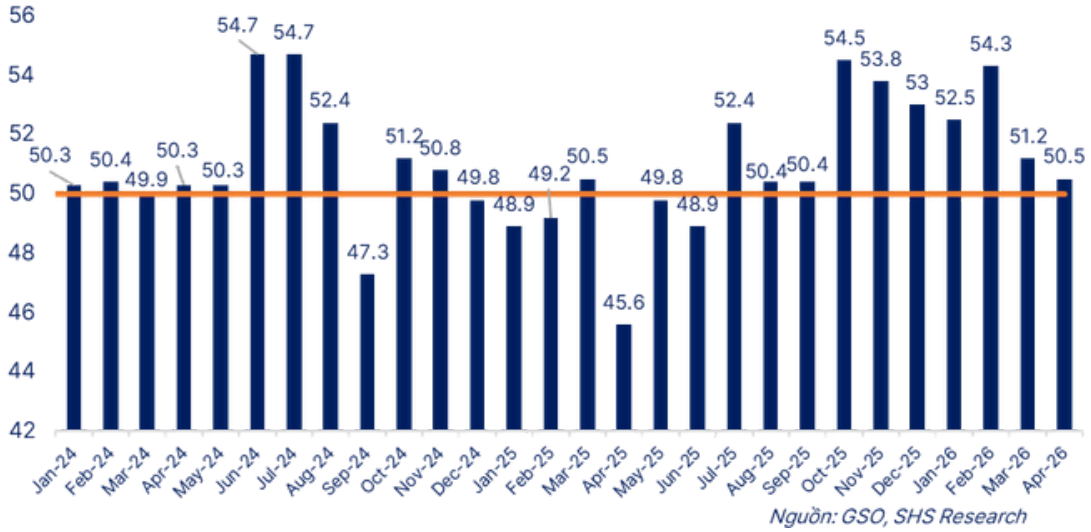
Tuy nhiên, điều đáng lưu ý trong bối cảnh hiện tại là **sự hạ nhiệt của giá nhiên liệu trong nước chủ yếu** không đến từ sự hạ nhiệt thực sự của nguồn cung (tức điều kiện cơ bản trên thị trường quốc tế vẫn còn căng thẳng) mà **đến từ can thiệp chính sách thuế, phí trong nước**. Các gián đoạn nguồn cung toàn cầu do xung đột, đứt gãy chuỗi cung ứng và chi phí vận tải cao vẫn đang tồn tại, khiến giá nguyên liệu như gas, dầu khó có thể giảm bền vững. Và trong kịch bản đó, Việt Nam sẽ mất dần ưu thế về bộ đệm chính sách trong nước, bởi các biện pháp giảm thuế phí đã sử dụng gần hết dư địa.

Ảnh hưởng các nhóm (% quyền số) trong CPI (YoY)

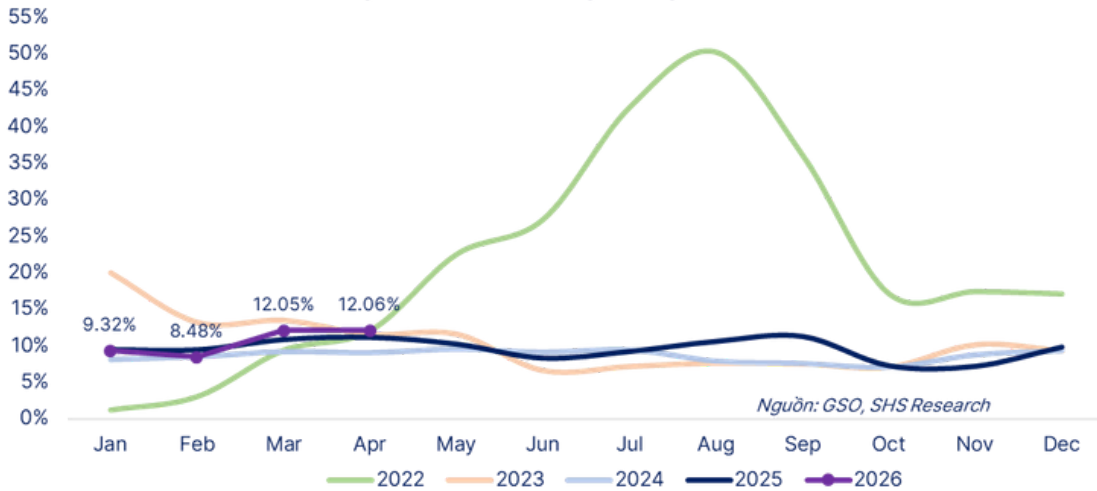


# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

**Chỉ số PMI Việt Nam (điểm)**



**Tổng mức bán lẻ hàng tháng (% YoY)**



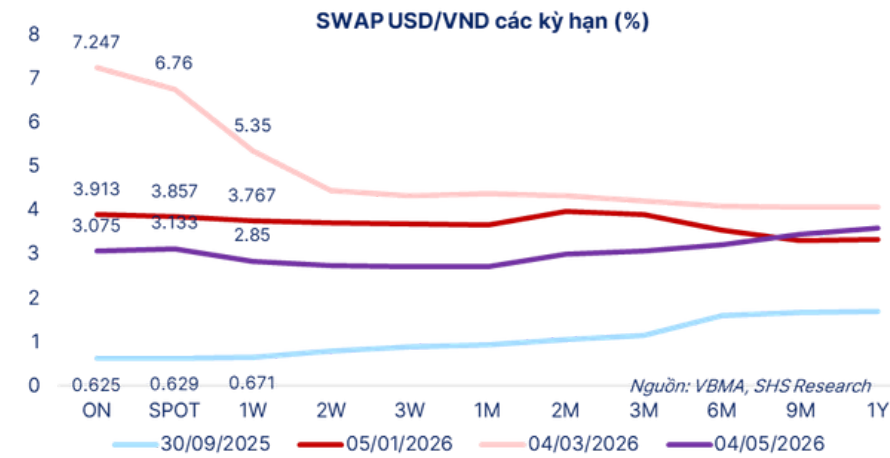
Chỉ số PMI của ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 4 giảm xuống 50,5 điểm, thấp nhất trong vòng 7 tháng gần đây và chỉ nhỉnh hơn mức trung hoà 50 điểm, cho thấy điều kiện kinh doanh dù vẫn ở ngưỡng tăng trưởng nhưng đã yếu đi đáng kể so với tháng trước. Điểm nhấn đáng chú ý là số lượng đơn đặt hàng mới lần đầu giảm sau 8 tháng, phản ánh sự thu hẹp đà mở rộng hoạt động sản xuất. Áp lực này càng rõ khi chi phí đầu vào và giá đầu ra tăng mạnh nhất trong khoảng 15 năm qua, chủ yếu do chi phí nhiên liệu, dầu và cước vận tải leo thang, khiến hoạt động logistics và chi phí sản xuất đội lên đáng kể. Trong bối cảnh xung đột tại Trung Đông kéo dài, chi phí vận tải và nhiên liệu tăng đã gây gián đoạn nguồn cung cũng như làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá xuất khẩu, dẫn đến đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục sụt giảm trong tháng thứ hai liên tiếp.

Về tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 4, đáng chú ý là nhóm hàng xăng dầu nổi lên với mức tăng đến 17,4% trong tháng, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của tổng mức bán lẻ. Sự tăng trưởng này phản ánh cả yếu tố giá và nhu cầu tiêu dùng, khi giá xăng dầu trong nước biến động cùng xu hướng giá thế giới, đồng thời nhu cầu tiêu dùng nội địa vẫn duy trì tương đối mạnh trong bối cảnh lạm phát vẫn ở mức kiểm soát.

# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

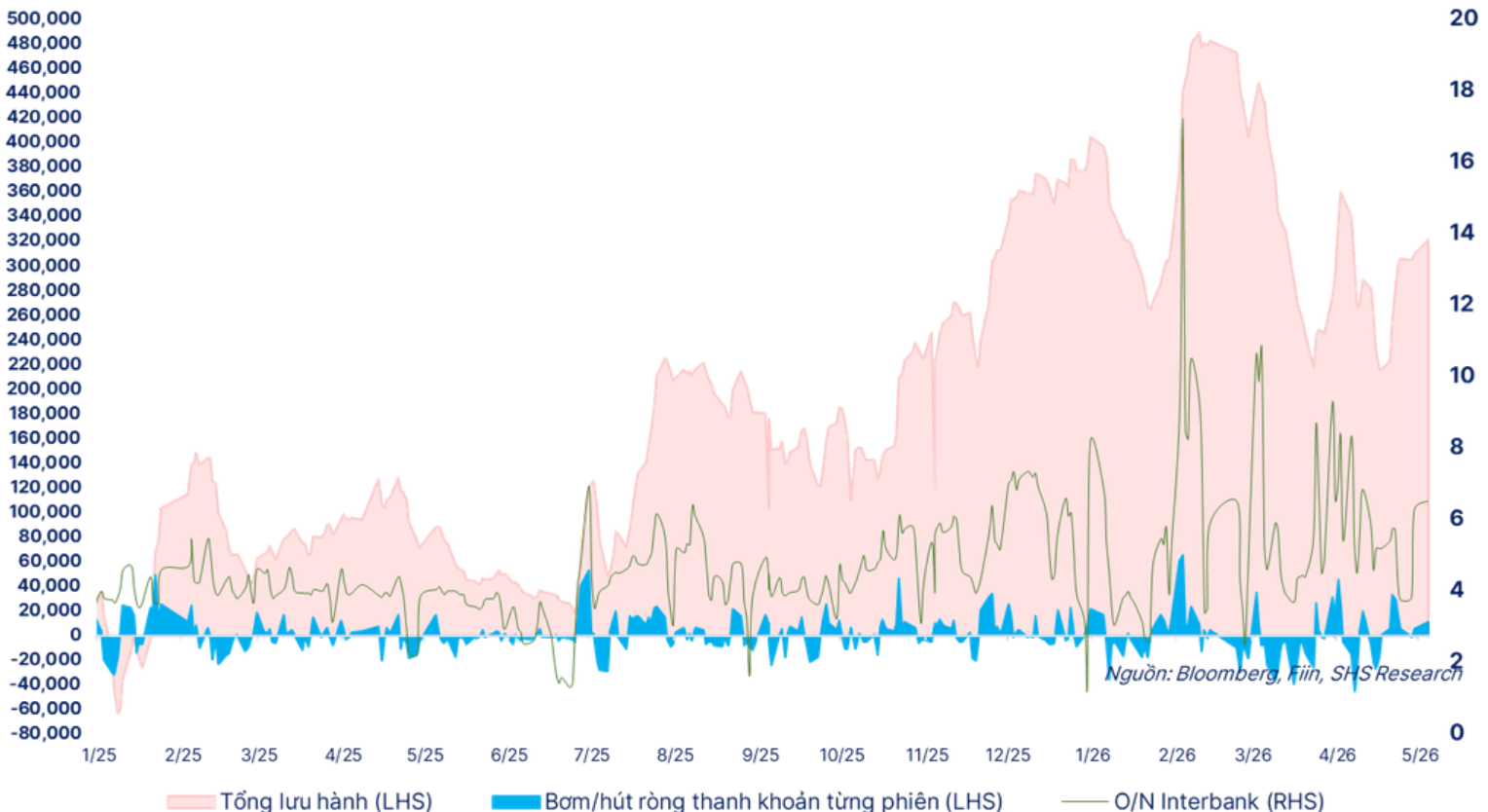


Trong tháng 04/2026, tỷ giá USD/VND nhìn chung duy trì trạng thái đi ngang ở vùng cao. Áp lực đã phần nào hạ nhiệt so với tháng 3, một phần nhờ DXY giảm nhẹ về quanh vùng 98 (giảm khoảng 2 điểm). Tuy nhiên, việc tỷ giá vẫn neo cao cho thấy thị trường chưa thực sự “thở phào”, khi nhu cầu nắm giữ và phòng thủ ngoại tệ vẫn hiện hữu trong bối cảnh bất định địa chính trị chưa có lời giải rõ ràng.



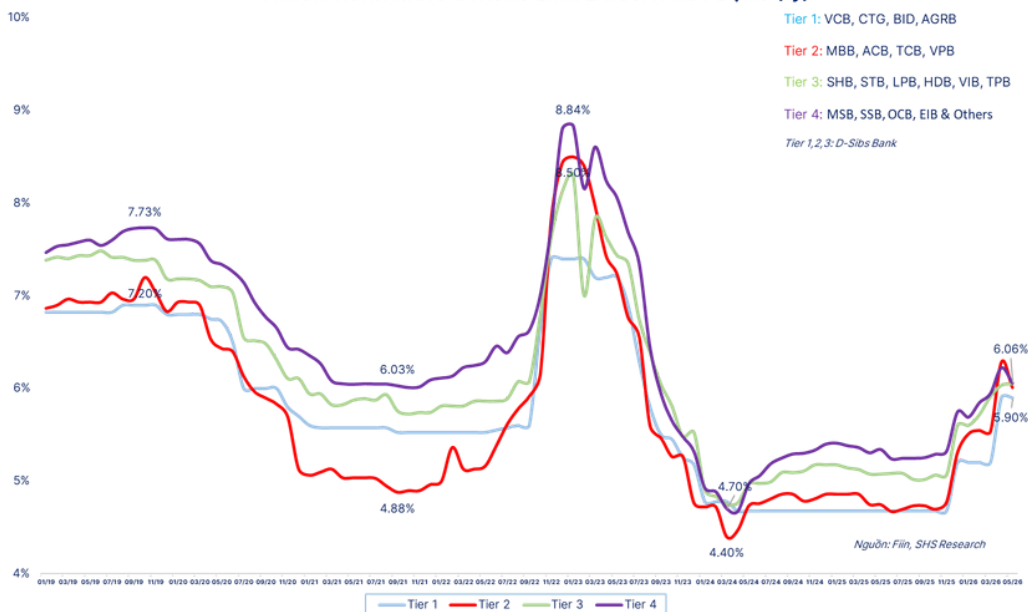
Tháng 04/2026, mặt bằng lãi suất qua đêm (O/N) trên kênh liên ngân hàng tiếp tục duy trì quanh vùng 5%, với biên độ giao dịch tương đối hẹp và không xuất hiện những nhịp tăng mạnh như giai đoạn trước đó. Diễn biến này phù hợp với định hướng điều hành thận trọng và ổn định của nhà điều hành, thể hiện qua việc kênh Swap USD/VND cũng vận hành trong biên độ không quá rộng, giúp hạn chế biến động bất ngờ trên thị trường ngoại hối. Hoạt động bơm hút thanh khoản qua công cụ thị trường mở (OMO) trong tháng mang tính ổn định hơn, không ghi nhận các phiên bơm hút lớn đột biến như thường thấy trước và sau dịp Tết Âm lịch. Tổng lượng lưu hành ròng toàn hệ thống được duy trì trong khoảng 250 đến 300 nghìn tỷ đồng

**OMO & SBV-Bill: Bơm/Hút ròng thanh khoản từng phiên + Tổng lưu hành (Tỷ Đồng) + O/N Interbank Rate (%)**

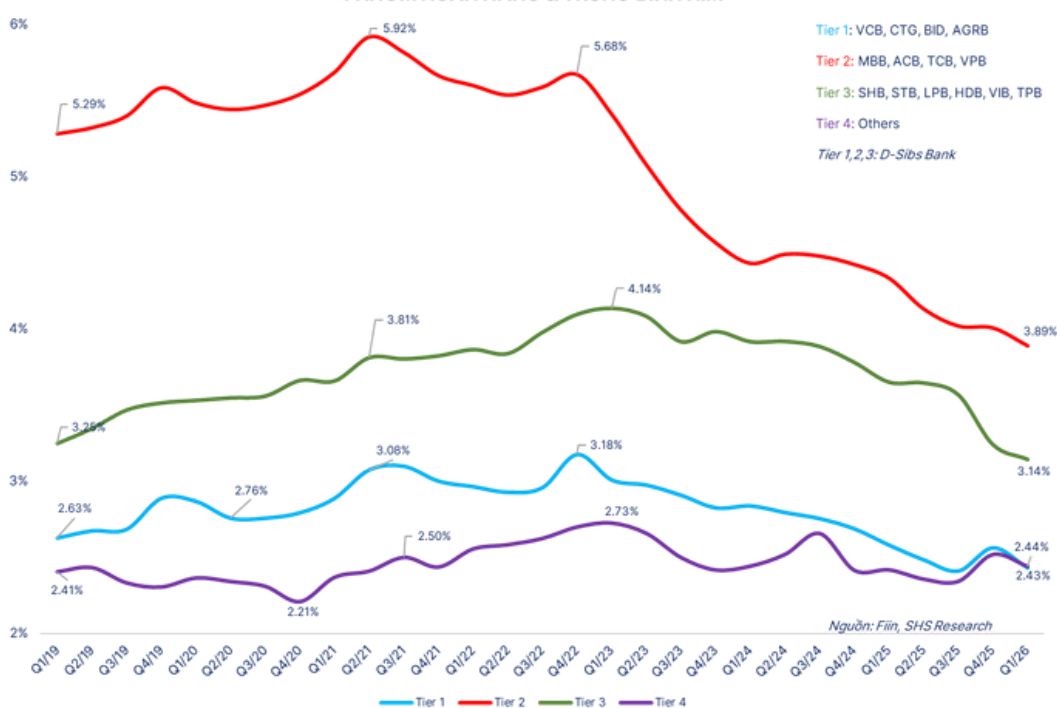


# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

4 NHÓM NGÂN HÀNG & TRUNG BÌNH LÃI SUẤT HUY ĐỘNG (1y)



4 NHÓM NGÂN HÀNG & TRUNG BÌNH NIM



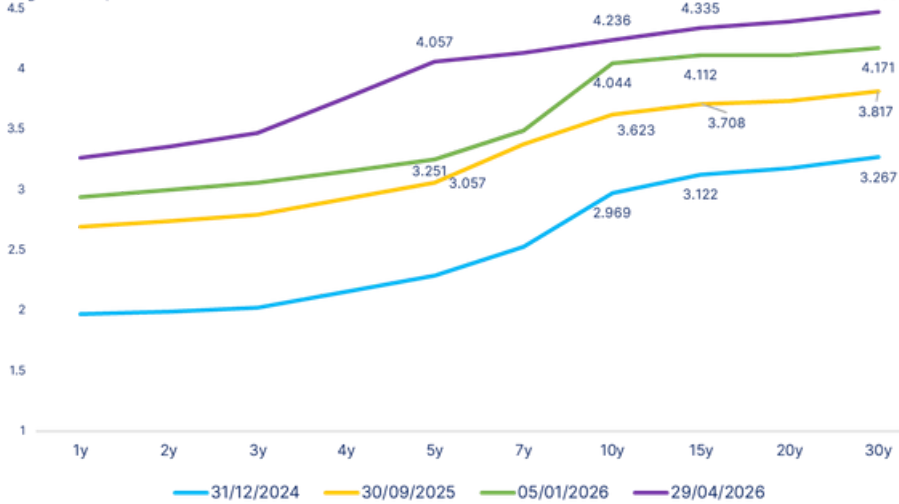
Trong tháng 04/2026, dưới định hướng điều hành mới, mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường 1 ghi nhận tín hiệu hạ nhiệt nhất định. Tuy nhiên, mức điều chỉnh nhìn chung vẫn tương đối khiêm tốn và chưa đủ tạo ra sự thay đổi rõ nét về mặt bằng chi phí vốn, đặc biệt ở nhóm ngân hàng cần duy trì thanh khoản ổn định và đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng. Trên thực tế, áp lực huy động vẫn hiện hữu ở một số thời điểm, thể hiện qua việc các ngân hàng vẫn phải sử dụng thêm các công cụ linh hoạt để củng cố nguồn vốn trung dài hạn. Điển hình CD kỳ hạn 12 tháng vẫn được chào ở mức nền lãi suất cao (nền 8.x% kỳ hạn 1y).

Điểm đáng chú ý trong tháng là NHNN đã công bố dự thảo Thông tư mới thay thế Thông tư 22/2019/TT-NHNN, với định hướng siết lại khung quản trị an toàn hệ thống theo hướng tiệm cận chuẩn Basel III. Dự thảo này tập trung vào việc điều chỉnh các tỷ lệ thanh khoản và an toàn vốn theo hướng chặt chẽ hơn, đồng thời giảm dần dư địa “xử lý kỹ thuật” mà một số ngân hàng có thể tận dụng trong cách tính các chỉ tiêu hiện hành. Theo đó, tỷ lệ CDR được đề xuất thay thế LDR, với cách tiếp cận khắt khe hơn khi loại bỏ phần vốn từ thị trường 2 ra khỏi mẫu số. Đồng thời, dự thảo bổ sung và nhấn mạnh vai trò của các chuẩn thanh khoản quan trọng như LCR và NSFR, trong đó NSFR được xem như bước chuyển từ tư duy “cơ cấu nguồn vốn” sang tư duy “hành vi dòng tiền”.

# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Nguồn: VBMA, SHS Research

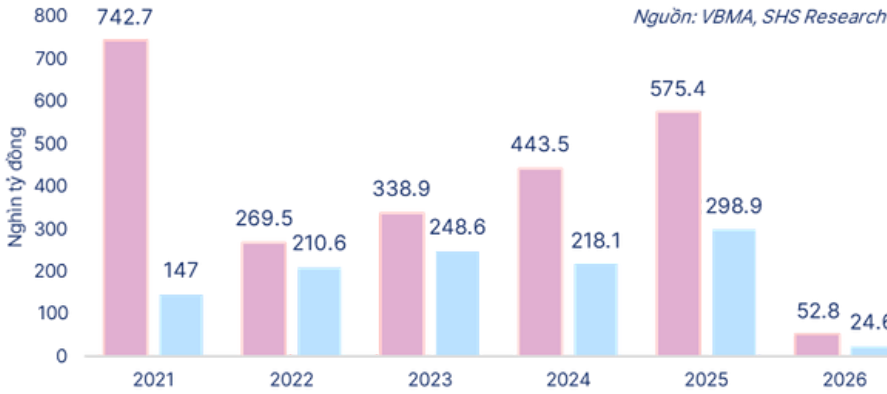
Lợi tức TPCP các kỳ hạn (%)



Trong tháng vừa qua, diễn biến lợi suất TPCP (G-Bond Yield) nhìn chung không ghi nhận biến động đáng kể, chủ yếu dao động trong biên độ hẹp và tiếp tục duy trì ở vùng tương đối cao so với mặt bằng đầu năm. Điều này phản ánh tâm lý thị trường vẫn thận trọng, khi các yếu tố bất định bên ngoài chưa đủ rõ ràng để tạo ra một nhịp điều chỉnh mạnh về kỳ vọng lãi suất.

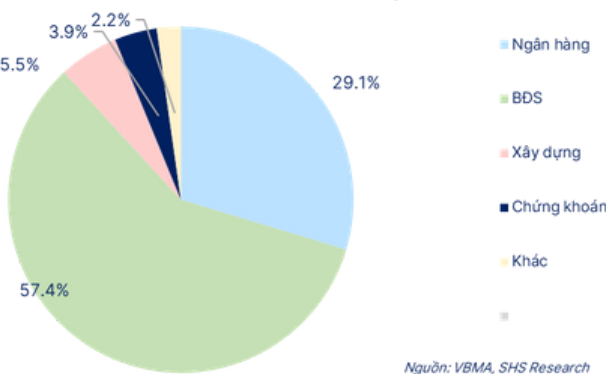
Về đầu tư công, tính đến ngày 30/4, giải ngân lũy kế đạt khoảng 144.280 tỷ đồng, tương đương hơn 14,5% kế hoạch năm. Dù đây là mức cải thiện nhất định so với cùng kỳ, tốc độ giải ngân nhìn chung vẫn chưa tạo được "cú hích" đủ mạnh để thay đổi xu hướng thị trường. Trong bối cảnh các rủi ro địa chính trị vẫn kéo dài và chưa xuất hiện turning point rõ ràng, thị trường trái phiếu tiếp tục vận động theo trạng thái đi ngang, ưu tiên sự ổn định hơn là hình thành một xu hướng mới.

Giá trị phát hành & mua lại TPDN (Ytd)



Nguồn: VBMA, SHS Research

GTPH TPDN theo nhóm ngành Ytd



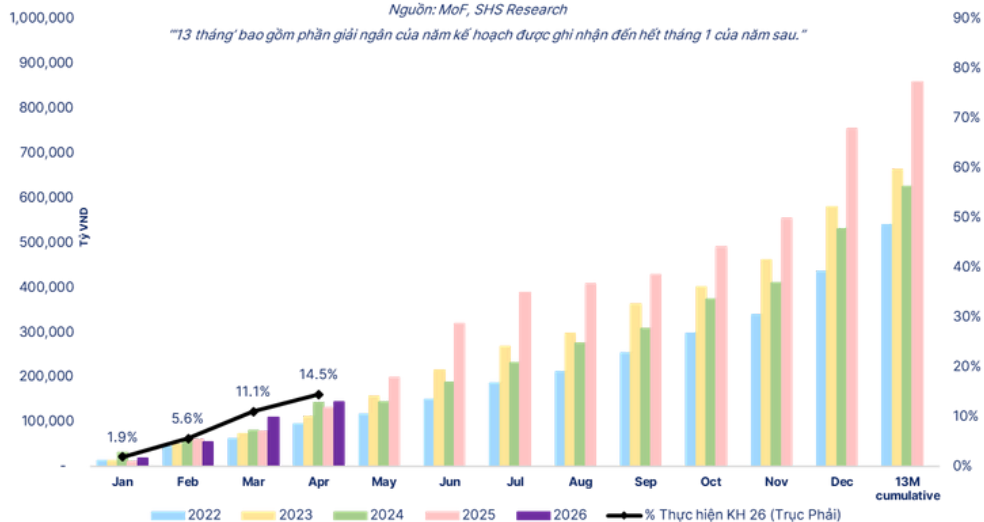
Nguồn: VBMA, SHS Research

Tháng 04/2026 ghi nhận sự bất ổn rõ rệt của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong đó điểm đáng chú ý nhất là trái phiếu bất động sản tăng vọt và vươn lên dẫn dắt cơ cấu phát hành, thay vì ngân hàng như các giai đoạn trước. Việc nhiều doanh nghiệp BĐS huy động thành công lượng vốn lớn cho thấy thị trường vốn đang "mở cửa trở lại" với nhóm này, nhưng đồng thời cũng phản ánh một nhu cầu mang tính bắt buộc: các chủ đầu tư phải đẩy mạnh huy động trái phiếu để cơ cấu nợ và chuẩn bị cho áp lực đáo hạn lớn trong các quý tới, trong bối cảnh tín dụng ngân hàng vẫn bị kiểm soát và chi phí vốn chưa thực sự dễ chịu. Khoảng hơn 58.000 tỷ đồng trái phiếu sẽ đáo hạn trong quý II/2026, trong đó phần lớn thuộc về nhóm bất động sản.

Giải ngân vốn đầu tư công (Lũy Kế)

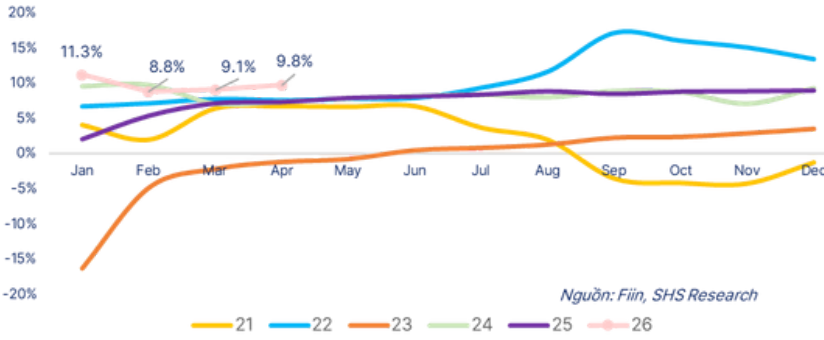
Nguồn: MoF, SHS Research

"13 tháng" bao gồm phần giải ngân của năm kế hoạch được ghi nhận đến hết tháng 1 của năm sau."

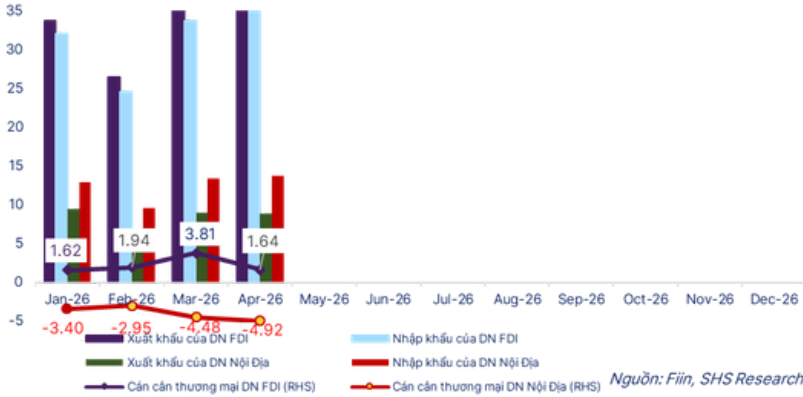


# KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Tăng Trưởng vốn thực hiện FDI (Lũy Kế YoY)



Xuất nhập khẩu và Cán cân thương mại (Tỷ USD)



Trong 4 tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tiếp tục ghi nhận mức tăng mạnh, vượt ngưỡng 18 tỷ USD, phản ánh sức hấp dẫn dài hạn của môi trường đầu tư Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam không chỉ là điểm dịch chuyển sản xuất mà còn là trung tâm chiến lược cho chuỗi cung ứng khu vực, nhất là khi chi phí sản xuất ở các nước lân cận có xu hướng tăng do áp lực giá năng lượng và logistics.

Hoạt động xuất nhập khẩu trong tháng 4/2026 phản ánh sự phân hoá nội tại của nền kinh tế: tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa trên tổng kim ngạch xuất khẩu vẫn chỉ chiếm 20%. Thêm vào đó, bức tranh xuất khẩu không hoàn toàn lạc quan khi áp lực nhập siêu kéo dài sang tháng thứ tư liên tiếp với 7.11 tỷ USD và gia tăng mạnh hơn trong tháng 4. Trong bối cảnh đó, dù kỳ vọng xuất khẩu được cải thiện từ quý III/2026 nhờ điều chỉnh về thị trường và chuỗi cung ứng, thách thức trước mắt vẫn là tăng cường giá trị nội địa trong chuỗi xuất khẩu và giảm khoảng trống giữa xuất khẩu FDI và nội địa.

Du lịch tiếp tục là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế tháng 04/2026 khi lượng khách quốc tế đến đạt mức cao kỷ lục, với trên 2 triệu lượt khách chỉ trong tháng này, đưa tổng lượng khách quốc tế 4 tháng đầu năm thực hiện hơn 35% kế hoạch cả năm. Điều này không chỉ giúp phục hồi ngành dịch vụ, mà còn tạo hiệu ứng tích cực lan tỏa đến các ngành liên quan trực tiếp như nhà hàng, lưu trú và vận tải, góp phần cải thiện thu ngoại tệ và nâng cao tiêu dùng nội địa. Bên cạnh việc mở rộng đường bay quốc tế và chiến lược thu hút khách từ các thị trường trọng điểm, yếu tố làm nên thành công này còn là sự chuyển dịch trong hành vi du lịch sau đại dịch, khi du khách quốc tế có xu hướng ở lại dài hơn và chi tiêu nhiều hơn. Trong bối cảnh cầu xuất khẩu hàng hoá đang chịu sức ép từ chi phí đầu vào, tăng trưởng du lịch mang lại nguồn thu ổn định giúp cân bằng tổng cầu và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế trong nửa đầu năm.

Thống Kê (Nguồn: GSO, VBMA, SHS...)	Jan-26	Feb-26	Mar-26	Apr-26
IIP (YoY)	21.5%	10.4%	9.0%	9.9%
Số doanh nghiệp thành lập (YoY)	126.8%	11.6%	40.5%	33.9%
Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (YoY)	5.0%	-12.6%	-13%	5.1%
Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh (YoY)	2.8%	19.8%	15.2%	23.4%
Số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể (YoY)	109.1%	17.5%	28.7%	40.1%
Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (YoY)	128.1%	89.4%	78.7%	98.5%
Lượt khách quốc tế đến Việt Nam (YoY)	21.4%	17.7%	1.3%	22.8%
Tăng trưởng lũy kế Tổng Thu NSNN (YoY)	20.4%	13.1%	11.4%	15.2%
Tăng trưởng lũy kế Tổng Chi NSNN (YoY)	6.4%	11.0%	23.1%	11.6%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD) <b>Tính đến 29/04</b>	0.44%	1.40%	2.15%	4.49%
Tăng trưởng huy động (% YTD) <b>Tính đến 29/04</b>	-0.24%	0.75%	0.44%	2.28%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)				
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.5%	4.5%	4.5%	4.5%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.0%	3.0%	3.0%	3.0%

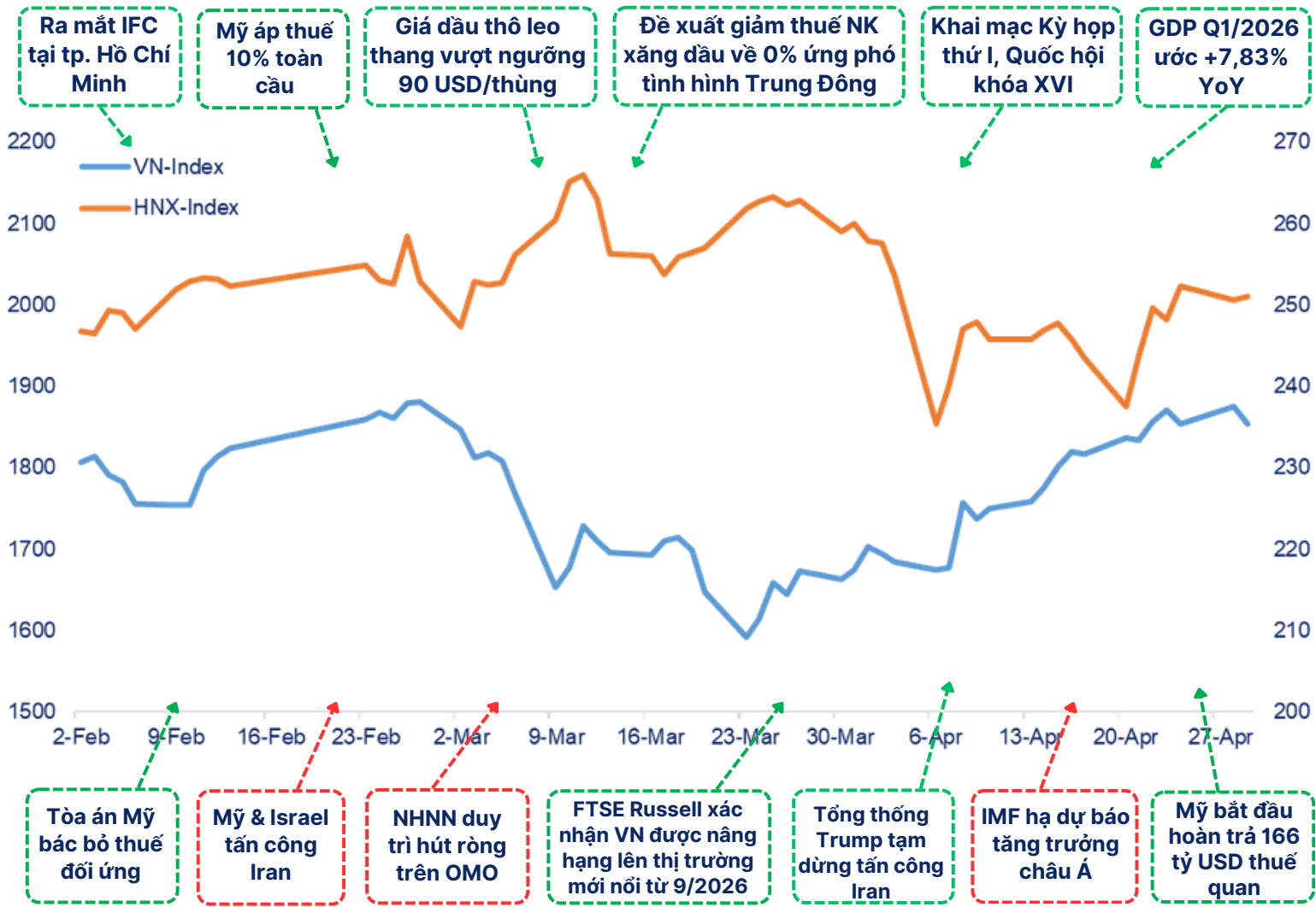


# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04

*(Trở về trang mục lục)*

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

([Trở về trang mục lục](#))

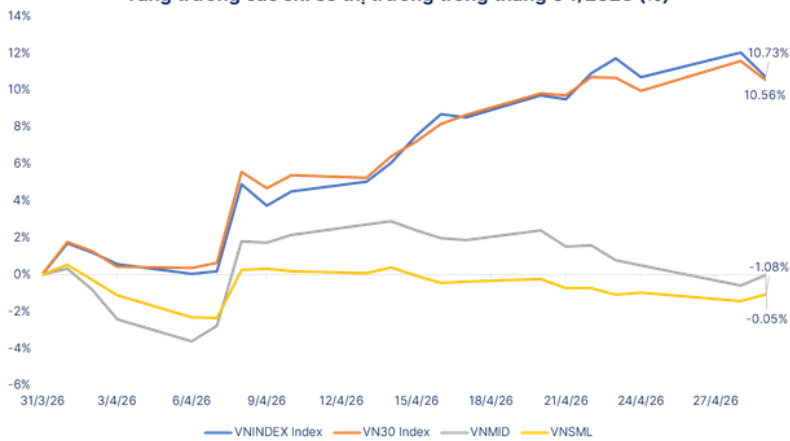


- Sau tháng 03 giảm điểm mạnh trước diễn biến Mỹ và Israel tấn công Iran, eo biển Hormuz bị phong tỏa, tạo cú sốc nguồn cung năng lượng đẩy giá dầu lên trên mốc 100 USD/thùng. Trong tháng 4/2026, dưới ảnh hưởng vượt trội của nhóm cổ phiếu Vin Group, chỉ số VNINDEX đã phục hồi, tăng điểm tốt, lấy lại hầu hết mức giảm mạnh trong tháng 3.
- Ảnh hưởng chính lên chỉ số VNINDEX trong tháng 4 là các cổ phiếu của Vin Group. Nổi bật với VIC (+58,5% MoM) đóng góp 116 điểm vào chỉ số VNINDEX với kết quả kinh doanh quý I, kế hoạch kinh doanh 2026 tăng trưởng mạnh. Thị trường tái lập mô hình chữ K trong tháng 4/2026, khi hầu hết các nhóm ngành khác đều có diễn biến giá kém tích cực.
- Thị trường kết thúc tháng 4/2026 với VNINDEX ở mức 1.854,10 điểm, tăng mạnh 10,73% so với tháng 3/2026. Tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 419+- tỉ USD\_82%+/-/GDP 2025. Vốn hóa VN30 249+- tỉ USD\_59% vốn hóa thị trường. Vốn hóa nhóm Vin Group 99+- tỉ USD tương ứng 39,7% vốn hóa VN30 và 23,6% vốn hóa toàn thị trường. Các thông số định giá cơ bản khác P/E: 15,2, P/B: 2,10; P/S: 1,66.
- Nếu bóc tách nhóm Vin Group thì vốn hóa thị trường còn lại khoảng 320+- tỉ USD (không thay đổi so với cuối tháng 3/2026), mức P/E 12,96; P/B 1,8; P/S 1,4. Đây là vùng định giá tương đối hợp lý của phần còn lại của thị trường khi kết quả kinh doanh vẫn tăng trưởng.

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 4/2026

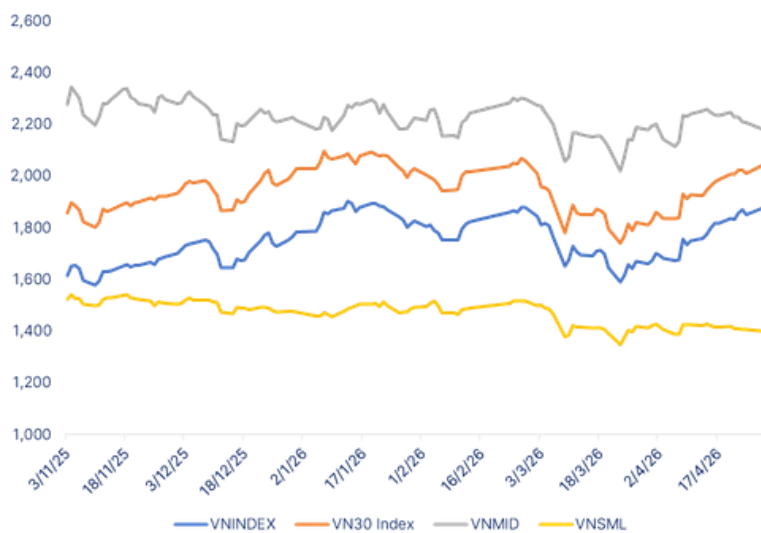
Sau khi tạo đáy cuối tháng 03/2026, trong tháng 4, VNINDEX có 04 tuần liên tiếp tăng điểm quay trở lại vùng giá quanh 1.890 điểm, vùng giá cao nhất tháng 02 trước thời điểm giảm mạnh. Sau đó VNINDEX chịu áp lực điều chỉnh trong những phiên cuối tháng. Kết thúc tháng 4, VNINDEX tăng 10,73% so với tháng 3 lên mức 1.854,10 điểm, lấy lại hầu hết mức giảm mạnh trong tháng 3/2026.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 04/2026 (%)



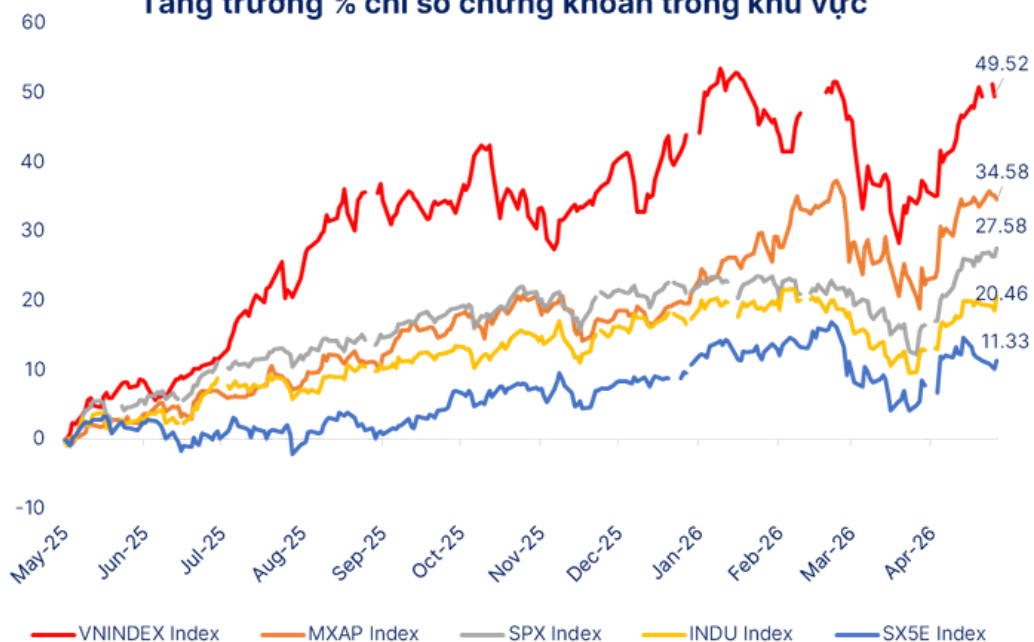
Ảnh hưởng chính lên mức tăng/giảm của chỉ số VNINDEX là nhóm cổ phiếu Vin Group khi VIC đóng góp 116 điểm vào VNINDEX với chỉ số VN30 (+10,56% MoM) trong tháng 4. Trong khi các cổ phiếu vốn hóa trung bình và nhỏ tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy trong biên độ hẹp với các chỉ số VNMID (-0,05% MoM), VNSML (-1,08% MoM). Diễn biến cho thấy đa số các cổ phiếu vẫn chịu áp lực điều chỉnh và tích lũy kéo dài trước những yếu tố bất định.

Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2025-2026



So với các thị trường khác trong khu vực, dưới ảnh hưởng của các cổ phiếu hàng đầu, VNINDEX đã phục hồi tốt sau giảm mạnh trước những bất ổn địa chính trị, cú sốc nguồn cung năng lượng ở Trung Đông.

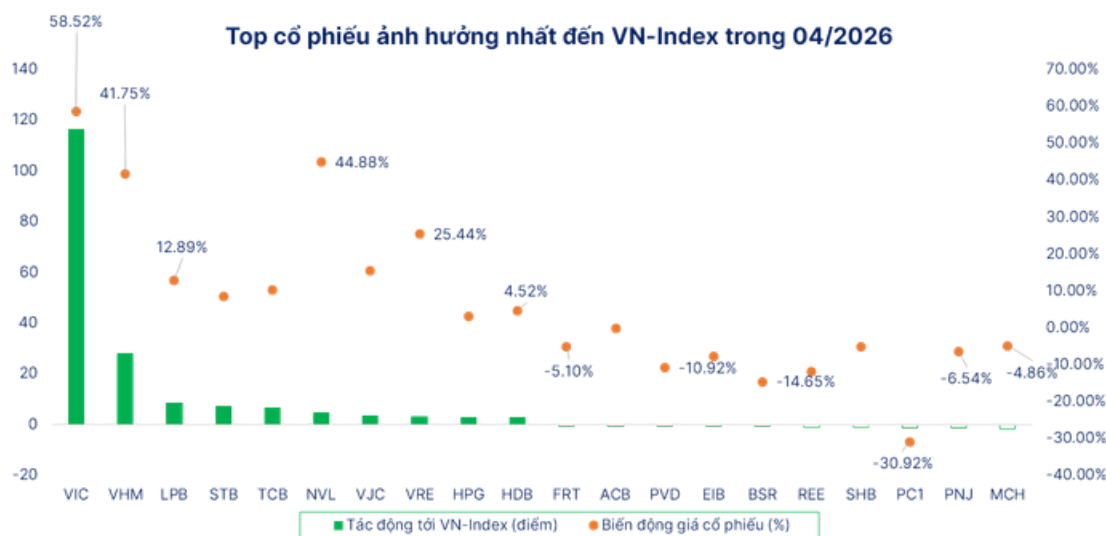
Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực



Nguồn: Fiingroup, Bloomberg, SHS Research

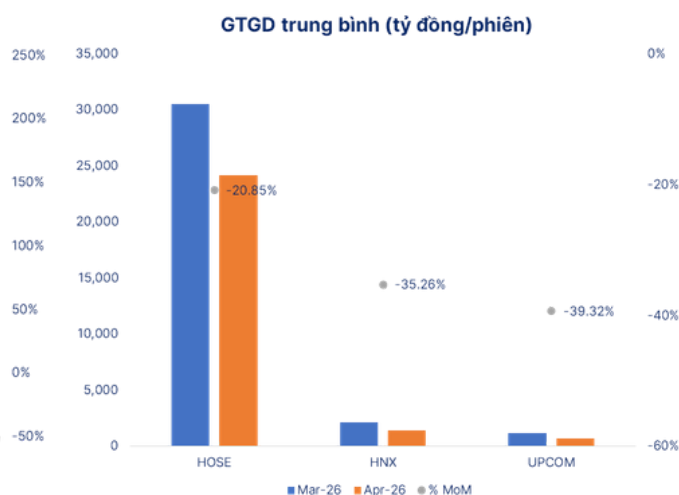
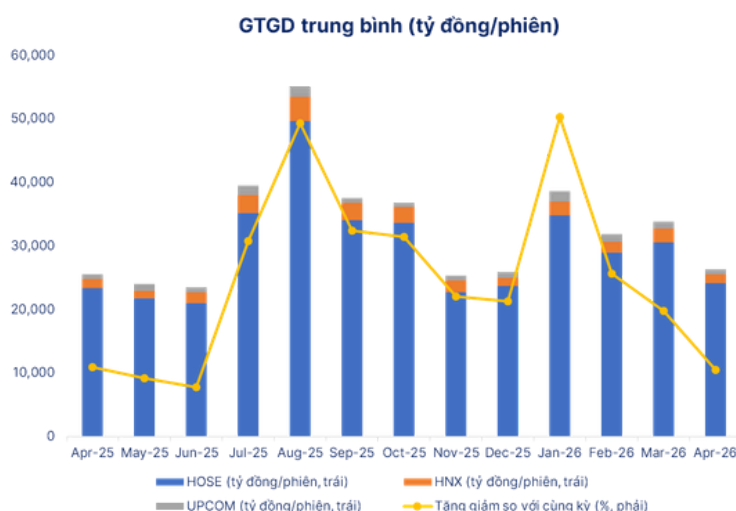
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

- Với diễn biến tăng mạnh, ảnh hưởng tích cực lên VNINDEX là VIC (+58,5% MoM), VHM (+41,8% MoM).. thể hiện ảnh hưởng tuyệt đối của Vin Group lên chỉ số thị trường. Tiếp đến là các cổ phiếu ngân hàng LPB (+12,9% MoM), STB (+8,5% MoM), TCB (+10,3% MoM)..., ngoài ra có NVL (+44,8% MoM) cũng tăng điểm mạnh, thanh khoản đột biến thể hiện sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn cơ cấu.
- Ở chiều ngược lại, ảnh hưởng tiêu cực lên chỉ số là nhóm cổ phiếu điện, xây lắp điện chịu áp lực giảm mạnh đột biến ở PC1 (-30,9% MoM), REE (-12,0% MoM)... và dầu khí với BSR (-14,7% MoM), PVD (-10,9% MoM)...



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

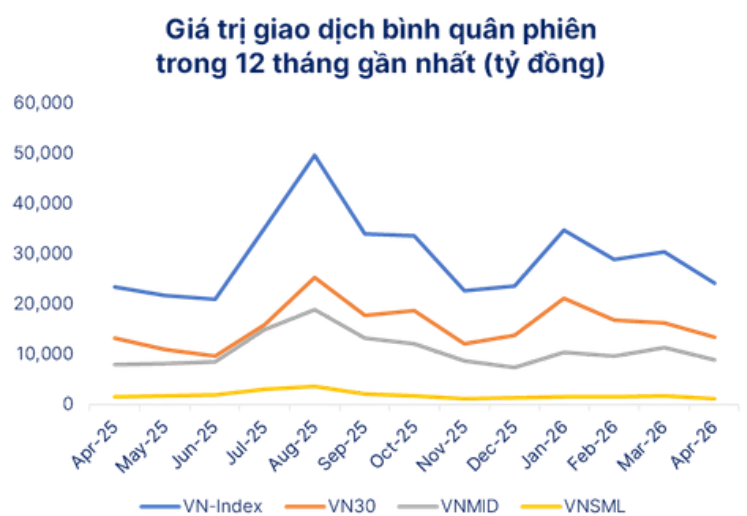
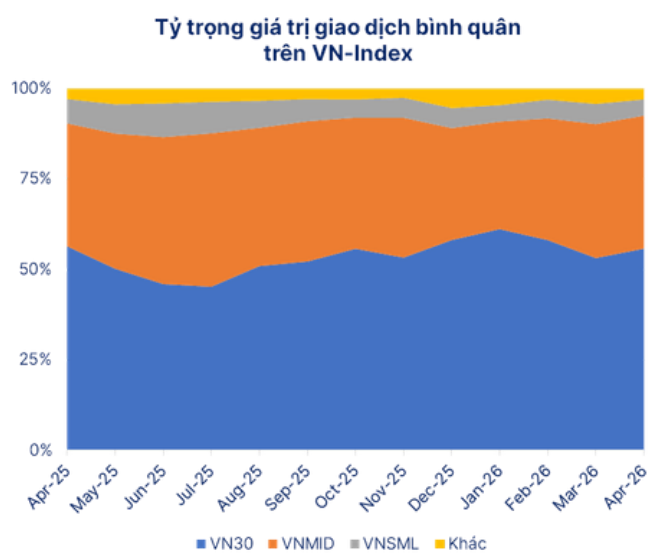
- Trong tháng 4/2026, với những yếu tố bất định vẫn tiếp diễn, mức độ phân hóa mạnh, giá trị giao dịch trung bình thị trường giảm mạnh -22,4% so với tháng 3/2026, đạt 26.276 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản dưới mức trung bình năm 2025, thể hiện phân hóa, dòng tiền suy yếu. Trên HOSE giá trị giao dịch trung bình đạt 24.163 tỷ đồng/phiên (-20,85% MoM). Khối lượng giao dịch khớp lệnh khoảng 735 triệu cổ phiếu/phiên. Trong tháng 04, thanh khoản tăng khá tốt ở số ít cổ phiếu bất động sản.
- Thanh khoản trên HNX (-35,26% MoM) với giá trị trung bình 1.399 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản giảm mạnh ở nhóm dầu khí, dịch vụ tài chính. Trong khi trên UPCOM (-39,32% MoM), với giá trị trung bình 713,8 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản giảm mạnh ở các cổ phiếu Viettel, khoáng sản.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

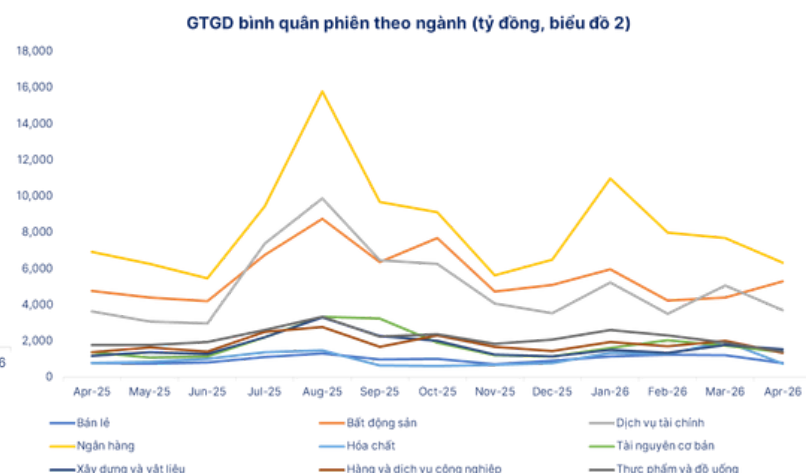
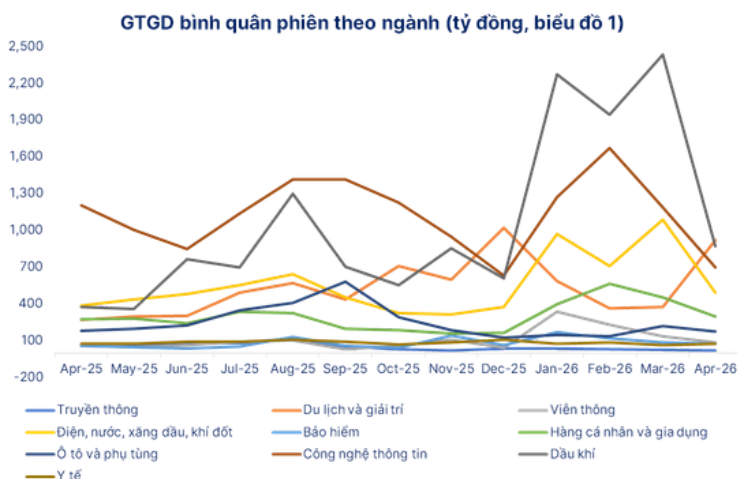
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

- Trong tháng 04/2026, nhóm vốn hóa lớn VN30 có giá trị giao dịch trung bình 13.481 tỷ đồng/phiên (-17,0% MoM). Nhóm vốn hóa trung bình VNMID (-21,38% MoM) thanh khoản giảm mạnh hơn giá trị giao dịch trung bình đạt 8.888 tỷ đồng/phiên. Ở nhóm vốn hóa nhỏ VNSML (-32,23% MoM) với giá trị giao dịch trung bình 1.085 tỷ đồng/phiên.
- Tỷ trọng giao dịch VN30 trong tháng 4/2026 tăng lên mức 55,79%. Trong khi tỷ trọng nhóm VNMID giảm về 36,78% giao dịch trên thị trường. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML có tỷ trọng giao dịch giảm về 4,49%. Thể hiện thị trường chỉ tập trung giao dịch chủ yếu ở số ít cổ phiếu vốn hóa lớn với mức độ phục hồi và tăng điểm tốt sau khi giảm mạnh trong tháng 3. Đa số còn lại mức độ phục hồi kém, tích lũy sau giai đoạn giảm sốc với thanh khoản giảm mạnh.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

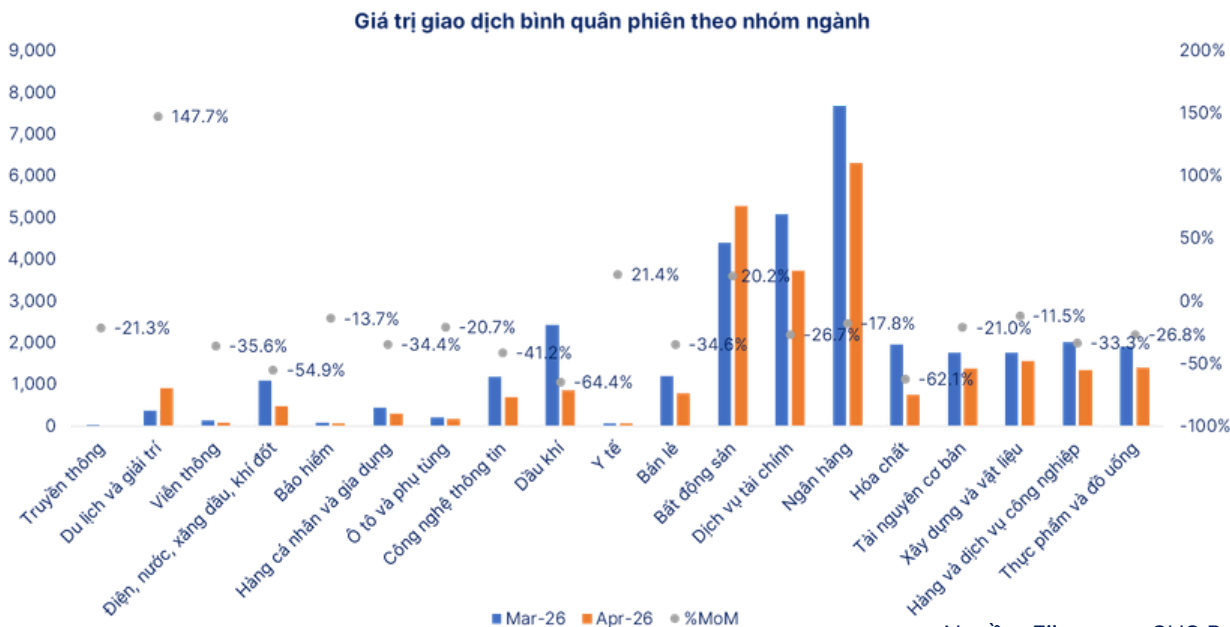
- Xét theo nhóm ngành, thanh khoản giảm mạnh ở nhóm Dầu khí (-64,4% MoM), Hóa chất (-62,1% MoM), Điện, nước, xăng dầu khí đốt (-54,9% MoM), Công nghệ thông tin (-41,2% MoM), Viễn thông (-35,6% MoM), Bán lẻ (-34,6% MoM)... thể hiện mức độ phục hồi kém sau giảm mạnh. Nhiều cổ phiếu tích lũy biên độ hẹp trong cả tháng 4, như FPT sau giai đoạn giảm mạnh đột biến.
- Ở chiều ngược lại, thanh khoản tăng mạnh ở nhóm Bất động sản (+20,2% MoM) với giá trị trung bình 5.295 tỷ đồng/phiên, Y tế (+21,4% MoM), Du lịch và giải trí (+147,7% MoM) với giá trị trung bình 921,8 tỷ đồng/phiên.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

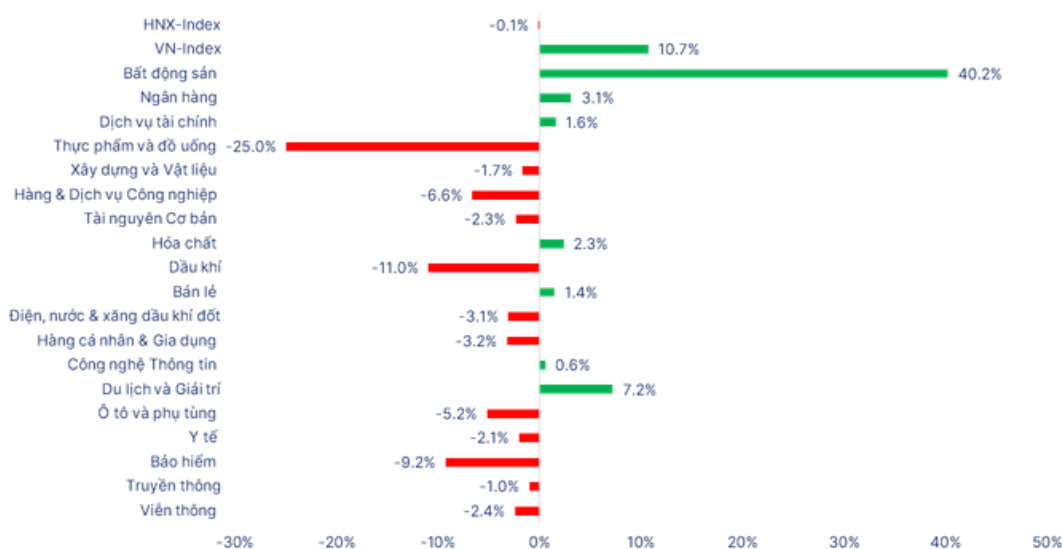
- Ngân hàng, Bất động sản, Dịch vụ tài chính tiếp tục là 03 nhóm ngành có giá trị giao dịch bình quân cao nhất thị trường. Trong đó Ngân hàng (-17,8% MoM), giá trị bình quân tiếp tục giảm, với giá trị giao dịch trung bình 6.320 tỷ đồng/phiên.
- Dịch vụ tài chính giá trị giao dịch trung bình 3.724 tỷ đồng/phiên (-26,7% MoM) giảm mạnh so với tháng 2, thể hiện mức độ phục hồi kém. Trong khi nhóm Bất động sản (+20,2% MoM) trở lại vị trí thứ 2 với giá trị giao dịch 5.295 tỷ đồng/phiên. Thể hiện dòng tiền giao dịch sôi động với nhiều cơ hội sinh lợi mạnh.



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

- Trong tháng 04/2026 với áp lực từ căng thẳng địa chính trị, giá cả hàng hóa, năng lượng vẫn ở mức cao. Áp lực chi phí, lạm phát ảnh hưởng lên doanh nghiệp, nền kinh tế. Thị trường trong tháng 4/2026 tái lập mô hình chữ K với mức tăng giá vượt trội chủ yếu ở nhóm bất động sản (+40,2% MoM), các cổ phiếu Vin Group
- Trong khi hầu hết các nhóm ngành có diễn biến giá yếu kém hơn VNINDEX, Vin Group. Nhiều nhóm ngành giảm mạnh như Thực phẩm và đồ uống (-25,0% MoM), Dầu khí (-11,0% MoM), Bảo hiểm (-9,2% MoM)....

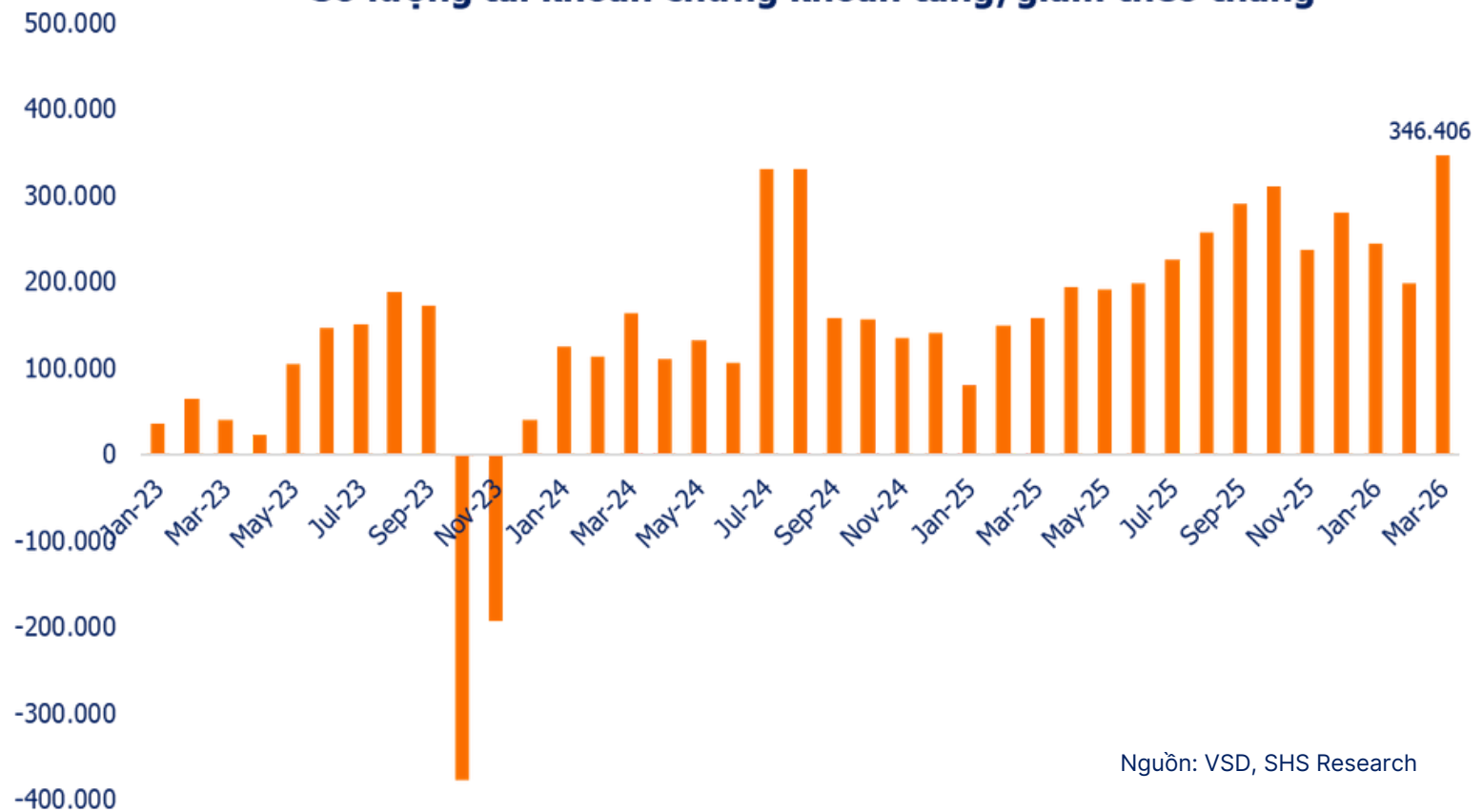
## Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 04/2026



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

## Số lượng tài khoản chứng khoán tăng/giảm theo tháng

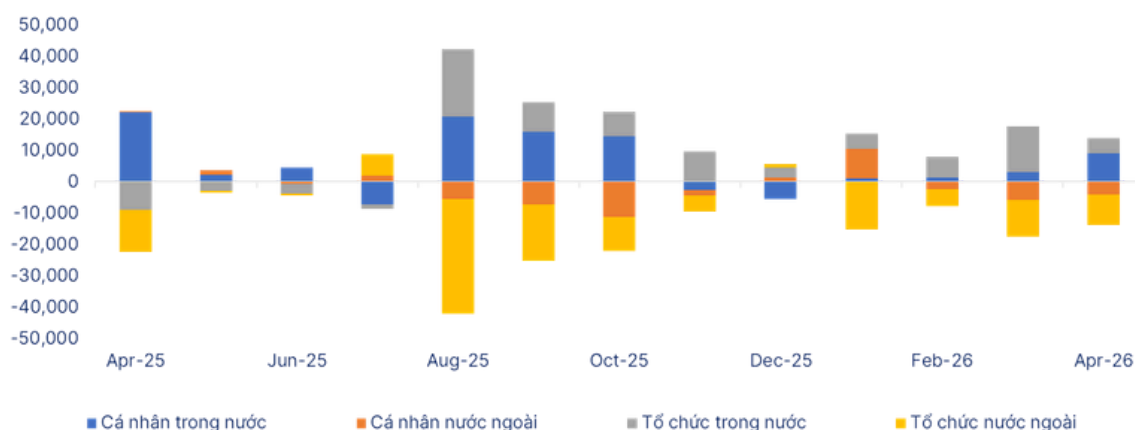


- Trong tháng 03/2026, số lượng tài khoản chứng khoán mở mới đạt 346.406 tài khoản, +74,6% MoM, +120,1% YoY - **đạt con số kỷ lục kể từ tháng 6/2022 đến nay.**
- Tính lũy kế đến cuối tháng 03/2026, tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư đạt 12.661.417 tài khoản, vượt xa mục tiêu Chính phủ đặt ra cho năm 2030.

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

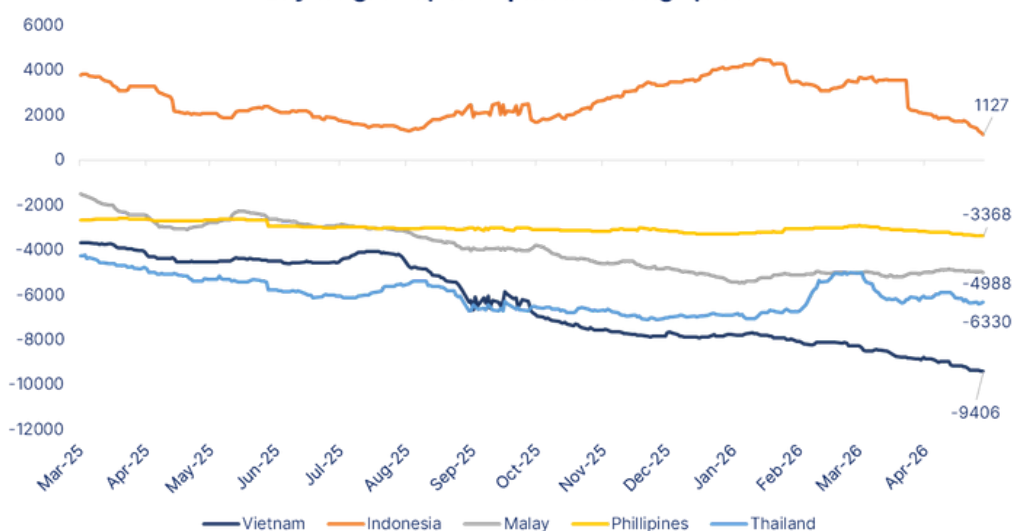
- Trong tháng 04/2026 tổ chức nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị -9.587 tỷ đồng trên HOSE. Lũy kế bán ròng -42.102 tỷ đồng trên HOSE trong 04 tháng đầu năm 2026. Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài cũng bán ròng mạnh trong tháng 04 với giá trị -4.168 tỷ đồng. Lũy kế bán ròng -3.016 tỷ đồng trên HOSE trong 04 tháng đầu năm 2026.
- Nhà đầu tư tổ chức trong nước tiếp tục mua ròng tháng thứ 9 liên tiếp, với giá trị 4.576 tỷ đồng trong tháng 04, đối ứng áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài. Lũy kế mua ròng mạnh 30.592 tỷ đồng trên HOSE trong 04 tháng đầu năm 2026.
- Nhà đầu tư cá nhân trong nước, tiếp tục mua ròng mạnh trong tháng 4/2026 với giá trị 9.179 tỷ đồng. Lũy kế mua ròng 14.526 tỷ đồng trên HOSE trong 04 tháng đầu năm 2026. Dòng tiền mua ròng mạnh của nhà đầu tư trong nước, đối ứng áp lực bán ròng của khối ngoại tiếp tục là động lực lớn của thị trường trong những tháng đầu năm 2026.

Giá trị giao dịch ròng trên HOSE theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



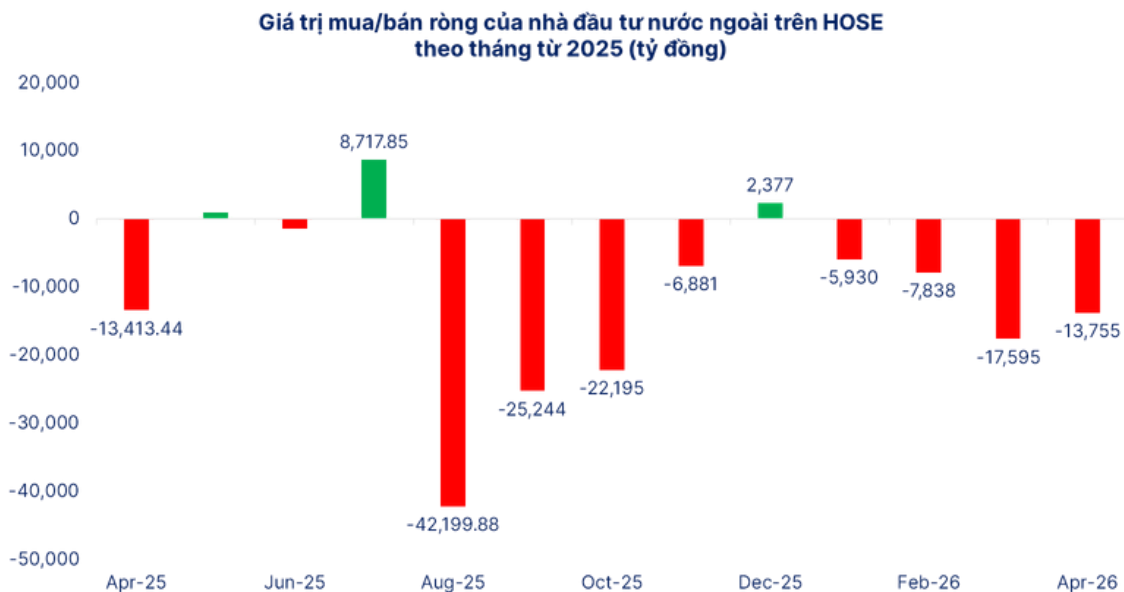
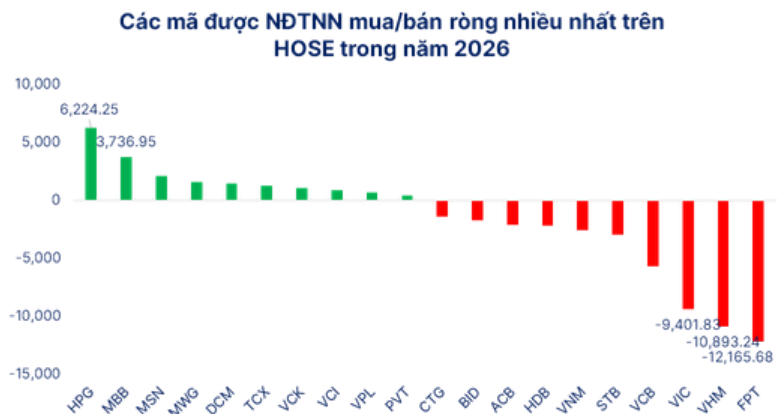
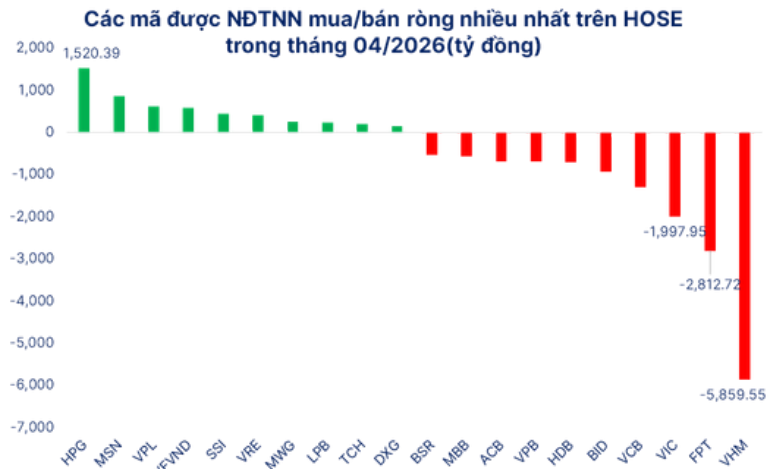
- Với một số thị trường khác trong khu vực, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh ở thị trường Indonesia (-990 triệu USD), Philippines (-211 triệu USD), Thái Lan (-80 triệu USD) trong tháng 04/2026, khi áp lực rút vốn khỏi các tài sản rủi ro tăng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị. Ngoại trừ hút ròng nhẹ thị trường Malaysia (+76 triệu USD)

Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại 1Y



# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

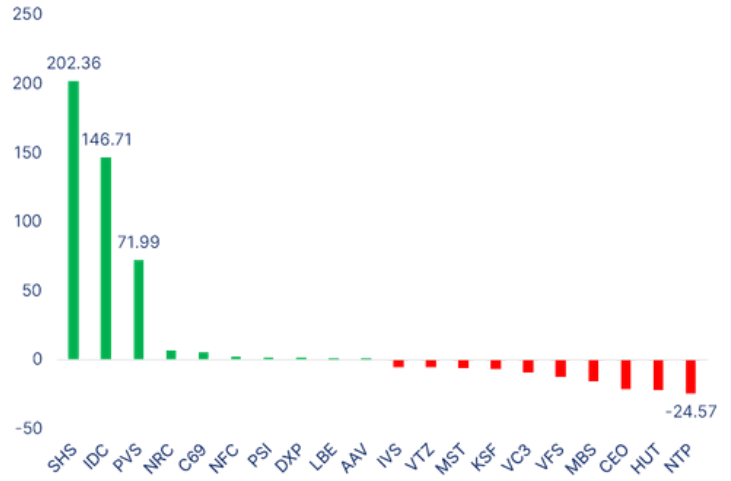
- Trên HOSE, khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tháng 4/2026 với giá trị -13.755 tỷ đồng. Lũy kế bán ròng -45.119 tỷ đồng trong 04 tháng đầu năm 2026
- Trong đó, trong tháng 3, khối ngoại bán ròng mạnh VHM (-5.860 tỷ đồng), tiếp tục bán FPT (-2.812 tỷ đồng), VIC (-1.998 tỷ đồng), tiếp đến là VCB (-1.293 tỷ đồng), BID (-931,7 tỷ đồng)... Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026, khối ngoại bán ròng FPT (-12.166 tỷ đồng), VHM (-10.893 tỷ đồng), VIC (-9.402 tỷ đồng), VCB (-5.713 tỷ đồng), STB (-2.994 tỷ đồng)...
- Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua ròng HPG (+1.520 tỷ đồng), MSN (+860,7 tỷ đồng), VPL (+615,7 tỷ đồng)... trong tháng 4. Lũy kế 04 tháng đầu năm mua ròng mạnh HPG (+6.224 tỷ đồng), MBB (+3.736 tỷ đồng), MSN (+2.089 tỷ đồng), MWG (+1.564 tỷ đồng)...



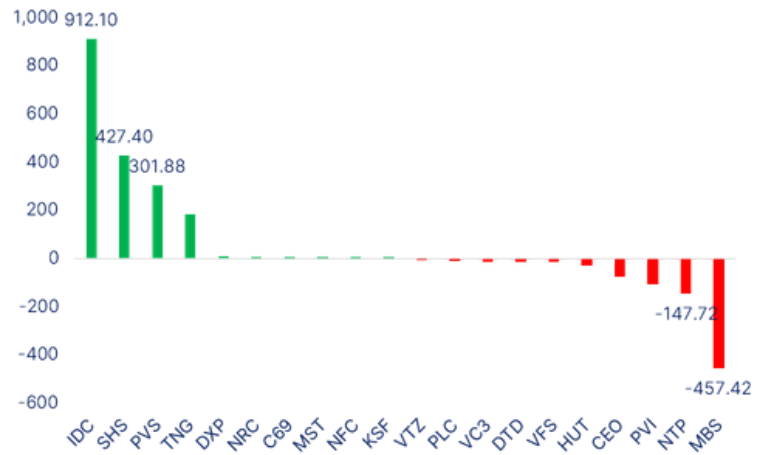
# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

- Tại HNX, khối ngoại mua ròng tháng thứ 3 liên tiếp, với giá trị mua ròng 294,7 tỷ đồng trong tháng 4/2026. Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 khối ngoại mua ròng với giá trị 912,3 tỷ đồng.
- Trong đó, khối ngoại tiếp tục mua ròng SHS (+202,4 tỷ đồng), IDC (+146,7 tỷ đồng), PVS (+71,9 tỷ đồng)... trong tháng 4. Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026, khối ngoại mua ròng mạnh IDC (+912,1 tỷ đồng), mua ròng SHS (+427,4 tỷ đồng), PVS (+301,9 tỷ đồng), TNG (+181,6 tỷ đồng)....
- Ngược lại, trong tháng 4, khối ngoại bán ròng NTP (-24,6 tỷ đồng), HUT (-22,1 tỷ đồng), CEO (-21,4 tỷ đồng)... Lũy kế bán ròng mạnh MBS (-457,4 tỷ đồng), NTP (-147,7 tỷ đồng), PVI (-107,8 tỷ đồng), CEO (-75,9 tỷ đồng)... trong 04 tháng đầu năm 2026.

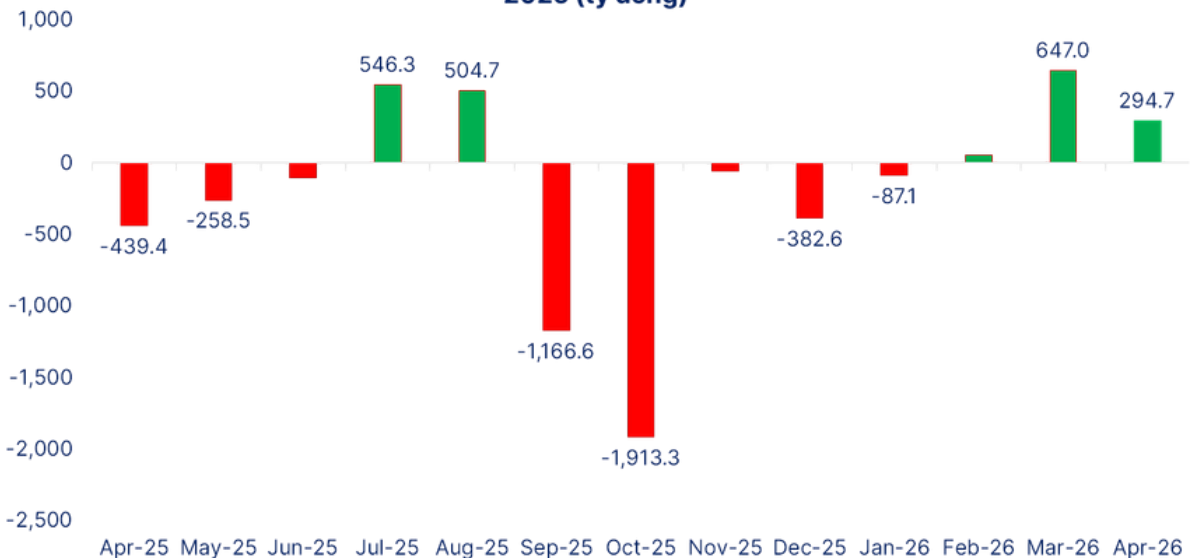
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 04/2026 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong năm 2026



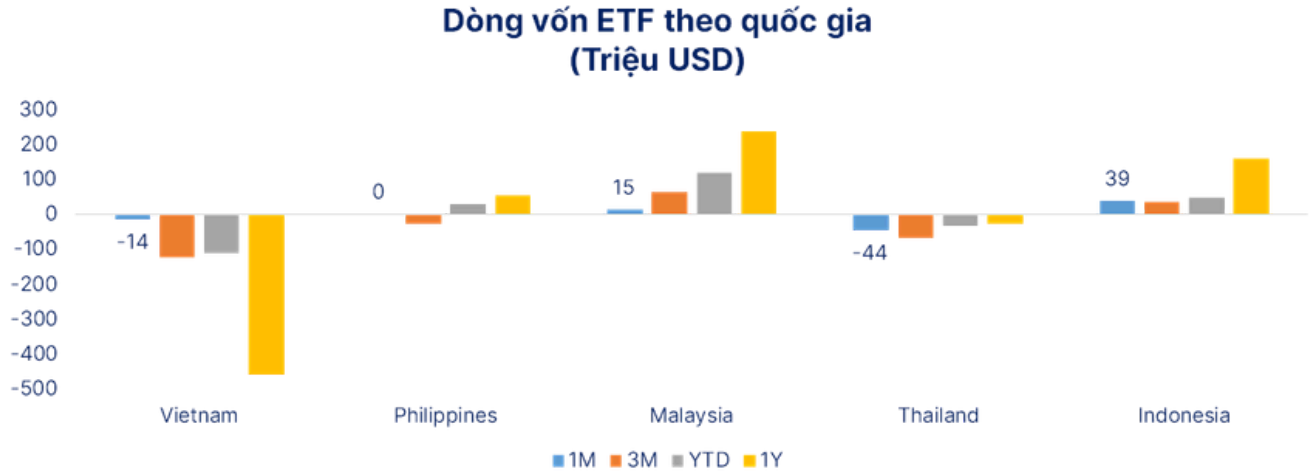
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2025 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

# TỔNG QUAN TTCK THÁNG 04/2026

Trong tháng 4/2026, các quỹ ETF tại Việt Nam tiếp tục chịu áp lực rút ròng với qui mô rút ròng -14 triệu USD, giảm khá mạnh so với tháng 3. Tại các thị trường khác trong khu vực, dòng tiền ETF tiếp tục rút ròng mạnh ở Thái Lan (-44 triệu USD). Trong khi hút ròng nhẹ trở lại ở các thị trường Indonesia (+39 triệu USD), tiếp tục hút ròng ở Malaysia (+15 triệu USD) trong tháng 4/2026



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

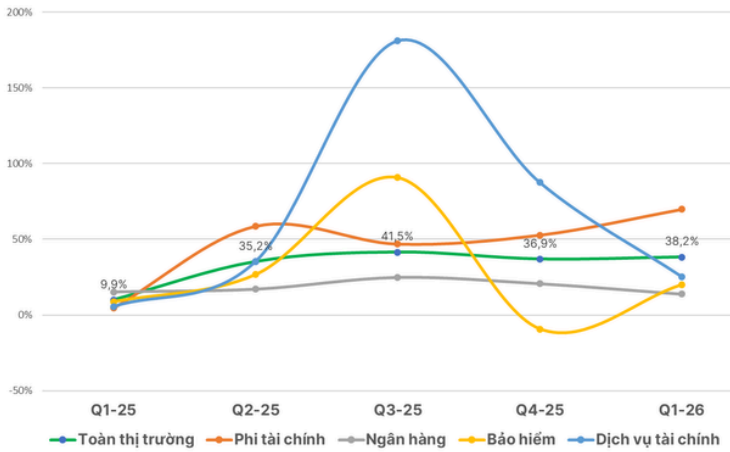
Tên quỹ	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng			
				1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF</b>	459,6	1,4	328.600.000	2,9	(34,3)	(34,4)	(21,5)
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF</b>	416,9	0,6	695.238.000	(23,4)	(68,7)	(68,7)	(298,3)
<b>DCVFMVN30 ETF Fund</b>	237,8	1,4	176.000.000	(3,8)	(0,1)	(13,4)	(77,3)
<b>VanEck Vietnam ETF</b>	571,3	18,9	30.300.000	10,7	(68,0)	(16,3)	(3,6)
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF</b>	390,6	42,3	9.229.760	(1,8)	(0,2)	6,1	(15,9)
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF</b>	21,0	1,1	18.800.000	-	0,7	1,1	0,3
<b>KIM INDEX Vietnam VN30 ETF</b>	224,3	21,9	10.300.000	-	-	(2,3)	(14,8)
<b>SSIAM VNX50 ETF</b>	5,9	1,1	5.200.000	-	-	(0,1)	(0,8)
<b>Global x MSCI Vietnam ETF</b>	35,3	25,6	1.380.000	-	0,9	5,9	14,9
<b>SSIAM VN30 ETF</b>	9,4	1,0	9.900.000	0,2	0,8	0,6	0,7
<b>KIM GROWTH VN30 ETF</b>	98,7	0,5	190.900.000	(0,1)	(0,0)	(0,0)	(7,5)

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

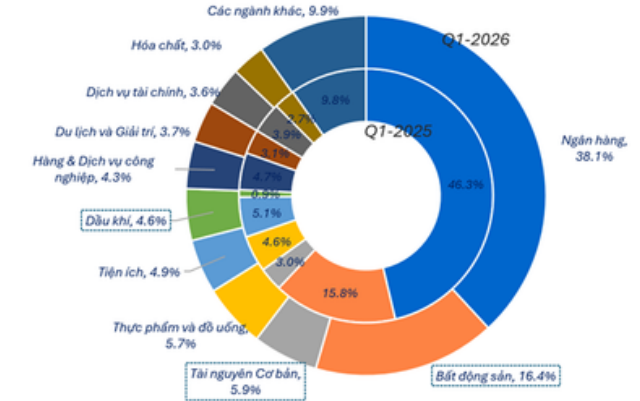
# KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I NĂM 2026

Đến ngày 4/5/2026, đã có 803 doanh nghiệp (49,2% tổng số doanh nghiệp trên cả 3 sàn) công bố BCTC Quý I, theo đó lợi nhuận sau thuế toàn thị trường tăng mạnh 38,2% YoY trong đó nhóm Tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính) tăng 14,4%, nhóm Phi tài chính tăng tới 69,8%. Xét theo vốn hóa, nhóm Midcap đại diện là chỉ số VNMid tăng đột biến 82,6%, VN30 (+27,4% YoY) tăng cao nhất trong vòng 8 quý trong khi nhóm Smallcap dù mức tăng cao hơn Quý IV/25 nhưng vẫn ở mức thấp.

Tăng trưởng LNST theo ngành



Tỷ trọng LNST theo ngành, Q1-2026 vs. Q1-2025



Nguồn: FinPro-X Platform  
Ghi chú: Số liệu từ 803 DN niêm yết (đại diện 97% vốn hóa toàn thị trường)



Lợi nhuận trước thuế ngành Ngân hàng (27 mã) tăng trưởng 14,2% YoY, thấp hơn mức 14,5% của Quý I/2025, chiếm tỷ trọng 38,1% lợi nhuận toàn thị trường. Nhóm ngân hàng quốc doanh có lợi nhuận tăng 25,6% và tăng tỷ trọng lên chiếm 33,4% lợi nhuận toàn ngành dù VCB tăng 231% trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Trong nhóm ngân hàng tư nhân lớn, VPB và HDB có mức tăng trưởng tín dụng cao nhất (trên 10%) và gấp hơn 3 lần tăng trưởng chung toàn ngành.

MÃ	LNST (tỷ VND)			Thu lãi thuần (tỷ VND)			Thu dịch vụ (tỷ VND)			Tăng trưởng tín dụng		Chỉ phí dự phòng rủi ro (tỷ VND)			Nợ 3-5 (tỷ VND)		
	Q1/2026	Q1/2025	%+/-	Q1/2026	Q1/2025	%+/-	Q1/2026	Q1/2025	%+/-	Q1/2026	Q1/2025	Q1/2026	Q1/2025	%+/-	Q1/2026	Q4/2025	%+/-
VCB	11.802,7	10.859,9	8,7%	17.651,1	13.687,2	29,0%	943,4	806,0	17,1%	4,8%	1,1%	2.493,1	752,4	231,4%	10.868,1	9.669,6	12,4%
CTG	11.139,4	6.823,2	63,3%	19.385,2	15.475,2	25,3%	1.847,0	1.610,5	14,7%	1,9%	4,6%	7.700,9	8.111,0	-5,1%	20.597,7	21.916,2	-6,0%
MBB	9.628,4	8.386,3	14,8%	14.913,1	11.692,2	27,5%	1.708,7	1.235,4	38,3%	3,3%	2,8%	3.454,8	2.986,4	15,7%	15.947,5	14.027,5	13,7%
TCB	8.870,0	7.236,2	22,6%	9.522,1	8.305,4	14,6%	3.148,5	1.828,1	72,2%	3,8%	5,0%	935,3	1.090,1	-14,2%	8.695,5	8.198,4	6,1%
BID	8.571,6	7.413,1	15,6%	15.733,7	13.945,6	12,8%	1.624,9	1.538,9	5,6%	2,3%	2,5%	5.498,0	4.578,5	20,1%	42.654,6	34.976,8	22,0%
VPB	7.920,8	5.014,9	57,9%	16.960,6	13.355,8	27,0%	2.064,5	1.168,8	76,6%	10,2%	4,7%	7.669,1	6.677,3	14,9%	37.283,9	31.464,7	18,5%
HDB	6.107,3	5.355,2	14,0%	8.483,0	7.408,1	14,5%	847,1	733,3	15,5%	10,1%	0,9%	1.258,5	1.324,8	-5,0%	15.634,4	13.320,3	17,4%
ACB	5.368,1	4.596,6	16,8%	6.989,2	6.358,9	9,9%	992,9	872,3	13,8%	3,2%	3,2%	686,0	626,1	9,6%	6.856,6	6.671,4	2,8%
SHB	4.655,9	4.370,5	6,5%	5.497,2	5.543,7	-0,8%	1.288,7	329,3	291,4%	2,0%	9,2%	1.532,2	621,1	146,7%	16.320,5	14.577,0	12,0%
LPB	2.826,5	3.175,4	-11,0%	3.878,2	3.281,9	18,2%	666,9	828,5	-19,5%	2,8%	6,2%	774,5	198,4	290,3%	7.398,4	6.598,3	12,1%
VIB	2.802,7	2.420,8	15,8%	4.038,6	3.737,1	8,1%	1.989,5	377,7	426,7%	1,1%	3,4%	1.204,9	421,3	186,0%	11.357,2	11.334,7	0,2%
STB	2.106,2	3.674,0	-42,7%	6.042,0	6.863,2	-12,0%	749,6	727,8	3,0%	-0,2%	4,4%	2.023,9	195,3	936,5%	41.498,1	40.136,8	3,4%
TPB	2.106,0	2.108,9	-0,1%	3.459,5	3.383,6	2,2%	1.252,4	909,9	37,6%	3,3%	4,8%	547,0	489,6	11,7%	5.845,9	3.938,0	48,4%
MSB	1.890,4	1.630,8	15,9%	3.197,5	2.503,8	27,7%	247,9	417,0	-40,5%	4,6%	9,2%	499,6	393,1	27,1%	5.710,8	5.520,3	3,4%
NAB	1.642,9	1.224,6	34,2%	2.072,0	2.112,0	-1,9%	147,7	127,0	16,3%	1,9%	6,0%	233,6	(240,1)	197,3%	3.652,6	4.260,1	-14,3%
ABB	1.500,3	406,9	268,7%	978,0	823,0	18,8%	413,1	169,3	144,0%	3,0%	-0,7%	852,2	340,1	151,4%	962,6	997,1	-3,5%
SSB	1.388,3	4.350,4	-68,1%	2.413,5	2.450,5	-1,5%	197,3	175,5	12,5%	0,6%	1,8%	592,4	435,6	36,0%	5.338,8	4.874,1	9,5%
OCB	1.223,6	893,2	37,0%	2.382,7	2.163,6	10,1%	158,5	130,7	21,3%	2,7%	2,6%	489,0	378,0	29,4%	7.200,2	6.345,5	13,5%
KLB	521,6	356,5	46,3%	919,7	849,1	8,3%	92,3	159,6	-42,2%	2,3%	10,7%	143,3	198,2	-27,7%	1.392,4	1.334,7	4,3%
VAB	508,5	352,9	44,1%	675,5	612,5	10,3%	65,9	40,0	64,5%	2,3%	6,3%	11,6	87,5	-86,8%	1.171,7	1.163,8	0,7%
BAB	378,2	367,3	3,0%	1.020,0	874,0	16,7%	20,5	21,5	-4,6%	2,5%	1,4%	93,0	54,1	71,7%	2.439,3	1.454,7	67,7%
EIB	338,4	831,7	-59,3%	1.380,0	1.354,4	1,9%	35,6	146,3	-75,7%	2,9%	9,3%	319,0	126,9	151,3%	5.807,5	5.272,8	10,1%
PCB	275,7	95,9	187,3%	457,5	458,3	-0,2%	45,7	13,5	237,6%	-4,3%	9,9%	68,3	146,5	-53,4%	1.789,3	1.091,8	63,9%
NVB	216,4	151,4	42,9%	792,0	504,9	56,9%	108,2	29,3	269,9%	19,8%	9,8%	297,5	64,9	358,5%	8.470,2	8.416,9	0,6%
BVB	215,6	80,2	168,8%	785,1	504,8	55,5%	(19,2)	18,0	-206,5%	2,0%	3,8%	214,8	143,7	49,5%	2.466,1	2.341,2	5,3%
VBB	166,8	248,3	-32,9%	768,1	702,5	9,3%	21,7	30,5	-29,1%	4,1%	3,8%	194,9	118,4	64,6%	3.678,5	3.070,6	19,8%
SGB	88,2	98,2	-10,2%	209,9	217,9	-3,6%	7,4	9,2	-19,6%	0,6%	-4,3%	24,7	66,2	-62,7%	779,2	649,4	20,0%

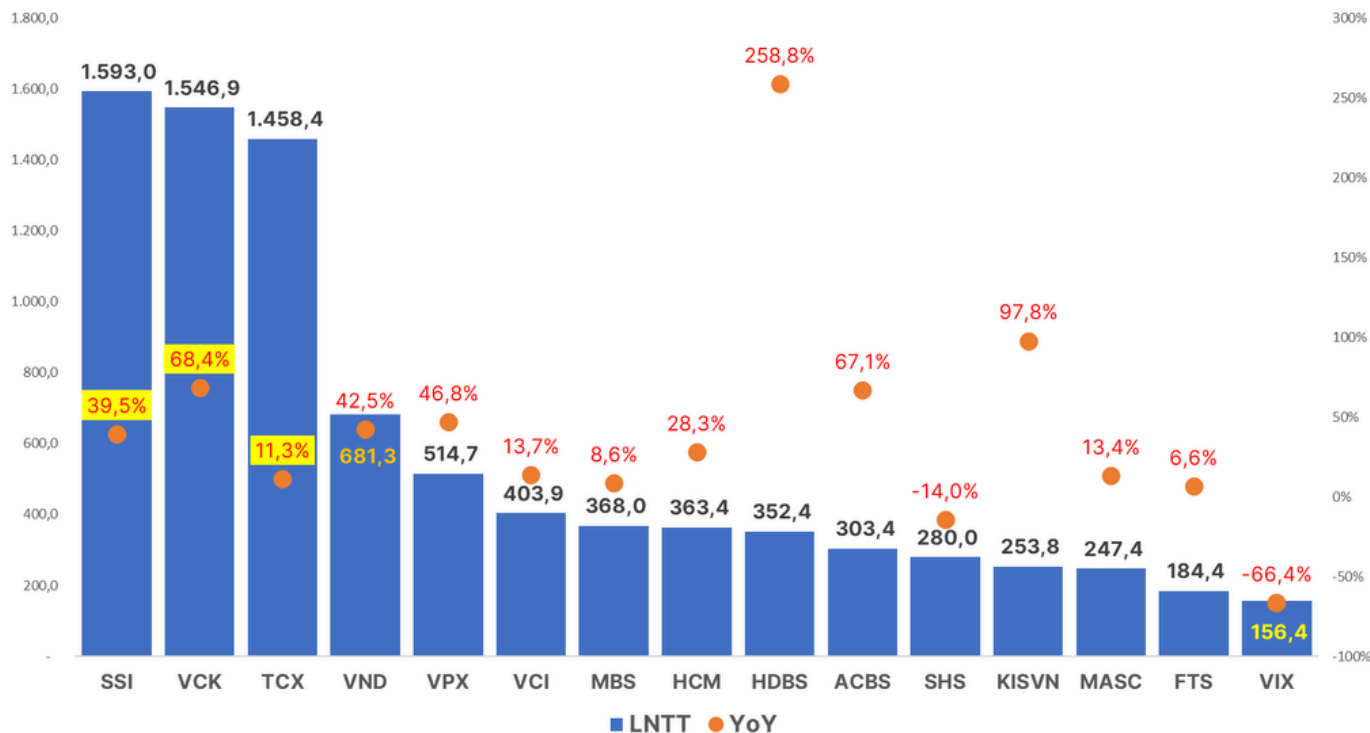
Nguồn: Fiingroup, SHS Research

([Trở về trang mục lục](#))

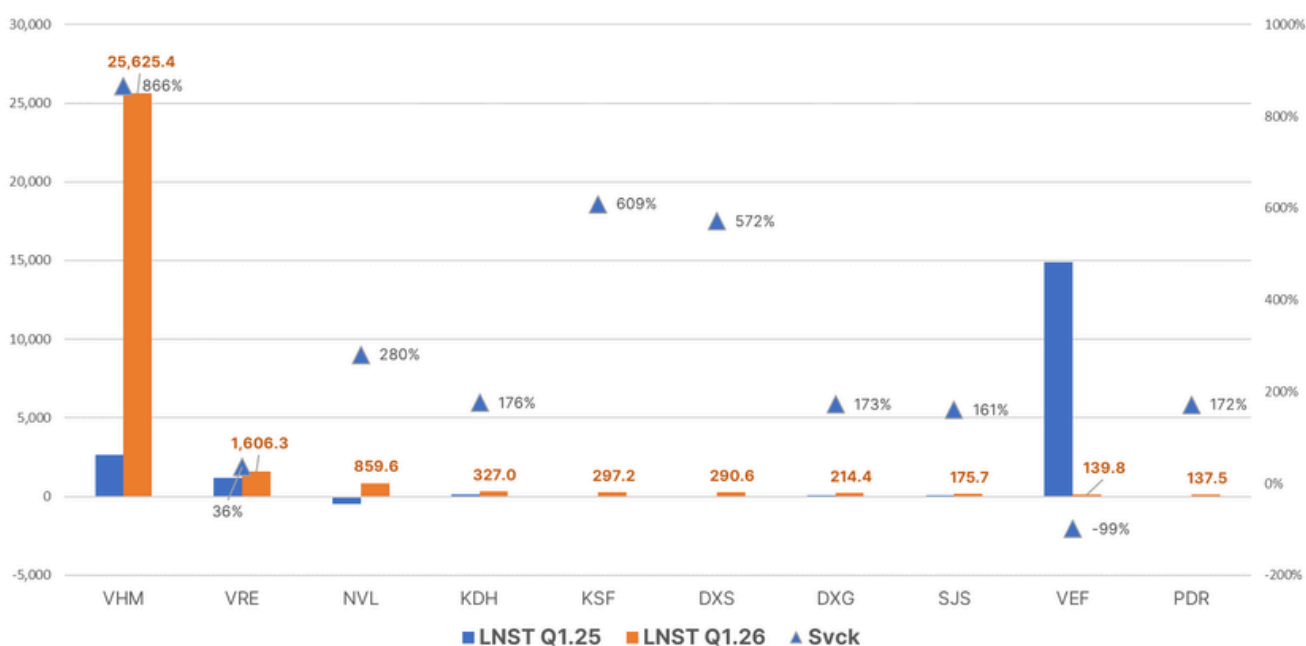
# KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I NĂM 2026

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn ngành Dịch vụ tài chính (79 công ty) tăng 21,5% YoY, Top 10 công ty có thị phần lớn nhất chiếm 75% lợi nhuận toàn ngành. Tính tới cuối Quý I, tổng dư nợ margin toàn thị trường đạt khoảng 412.500 tỷ đồng, tăng 2,9% so với cuối năm 2025 trong đó TCX có dư nợ lớn nhất thị trường, ghi nhận 44.147 tỷ đồng.

**Top 15 CTCK có LNTT lớn nhất Quý I/2026 (tỷ VND)**



Nhóm bất động sản (dân cư, thương mại) có doanh thu tăng 11,3% trong quý I trong đó nhóm Vingroup (VHM, VRE, VEF) chiếm 81,5%. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh 55,5% YoY nhờ một số doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận đột biến như VHM (+866%), NVL (+280%), nhóm Vingroup (loại trừ VIC, VPL) chiếm 89,5% tổng lợi nhuận toàn ngành.



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 05



*(Trở về trang mục lục)*

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 05-2026

Thị trường đã kết thúc tháng 04/2026, giai đoạn các doanh nghiệp tổ chức đại hội cổ đông, công bố kế hoạch kinh doanh năm 2026 và kết quả kinh doanh quý I/2026. Đây là giai đoạn nhà đầu tư đánh giá lại định giá doanh nghiệp và triển vọng tăng trưởng. Sau giai đoạn này thị trường sẽ bắt đầu tháng 5, với tình hình kinh tế vĩ mô tháng 4 sẽ cung cấp nhiều thông tin về lạm phát, xuất nhập khẩu, chỉ số PMI... phản ánh tác động lên doanh nghiệp, kinh tế xã hội sau khi chiến sự ở Trung Đông xảy ra.

Trong tháng 5/2026, thị trường chịu ảnh hưởng với những yếu tố

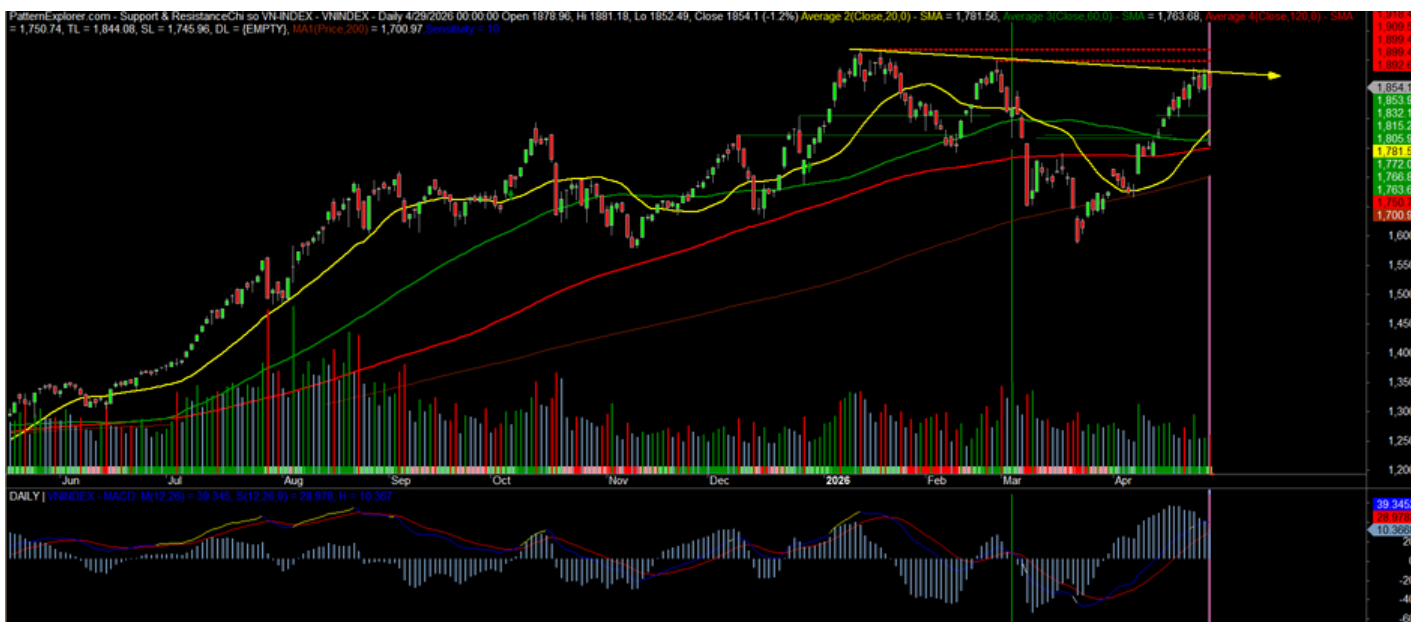
**Yếu tố rủi ro, bất định:** (1) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới vẫn tiếp diễn và chuyển sang trạng thái mới. (2) Giảm tăng trưởng tín dụng. (3) Khủng hoảng năng lượng, lạm phát, chi phí tăng bắt đầu ảnh hưởng đến doanh nghiệp, nền kinh tế. (4) Tỷ lệ dự nợ vay ký quỹ ở mức cao.

**Yếu tố tích cực:** (1) Nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ. (2) Kết quả kinh doanh quý I/2026 của doanh nghiệp tăng trưởng tích cực. (3) Qui mô vốn hóa thị trường nếu không tính đến Vin Group, đang tương đối hợp lý sau giai đoạn giảm mạnh và khi xét đến tiềm tăng tăng trưởng dài hạn.

Trong tháng 4/2026, chỉ số VNINDEX vẫn vận động khá sát kịch bản cơ sở theo báo cáo chiến lược năm 2026. VNINDEX dưới ảnh hưởng của các cổ phiếu hàng đầu đã phục hồi, tăng điểm quay trở lại vùng giá 1.900 điểm.

Thị trường sẽ bắt đầu tháng 5/2026. Tổng vốn hóa toàn thị trường hiện tại 419+- tỉ USD\_82%+-/GDP 2025. Vốn hóa VN30 249+- tỉ USD\_59% vốn hóa thị trường. Vốn hóa nhóm Vin Group 99+- tỉ USD tương ứng 39,7% vốn hóa VN30 và 23,6% vốn hóa toàn thị trường. Các thông số định giá cơ bản khác P/E: 15,2, P/B: 2,10; P/S: 1,66.

Nếu bóc tách nhóm Vin Group thì vốn hóa thị trường còn lại khoảng 320+- tỉ USD (không thay đổi so với cuối tháng 3/2026), mức P/E 12,96; P/B 1,8; P/S 1,4. Đây là vùng định giá tương đối hợp lý của phần còn lại của thị trường khi kết quả kinh doanh vẫn tăng trưởng. Nhà đầu tư có thể đánh giá, xem xét các cơ hội tích lũy, đầu tư giá trị. Với chỉ số VNINDEX, VNINDEX sau 05 tuần liên tiếp tăng điểm từ vùng giá 1.600 điểm đang có rủi ro tạo đỉnh ngắn hạn khi hướng đến vùng giá quanh 1.900 điểm, trước thời điểm giảm mạnh do ảnh hưởng cuộc chiến Trung Đông.

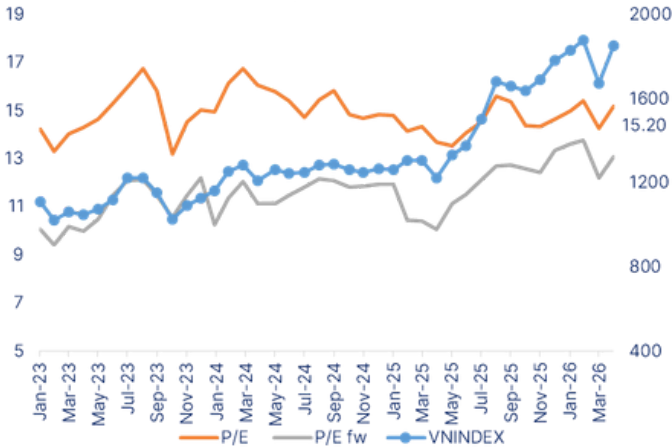


# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 05-2026

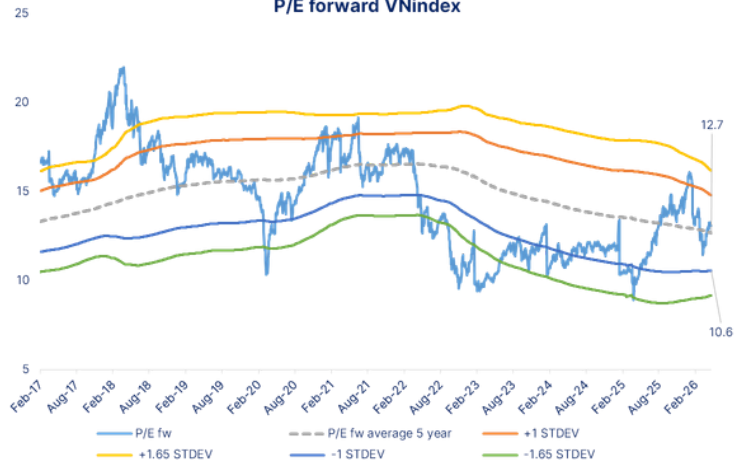
Cuối tháng 04/2026, tổng vốn hóa toàn thị trường khoảng 419 tỷ USD, khoảng 82% GDP năm 2025. Định giá P/E của VNINDEX ở mức 15,2; P/E Forward 13,1. Mức định giá này không thật sự hấp dẫn nếu xét đến tăng trưởng 2026. Tuy nhiên bóc tách ảnh hưởng của Vin Group, phần còn lại của thị trường đang có các mức định giá tương đối hợp lý nếu vẫn duy trì tăng trưởng tốt.

So sánh tương quan, mức P/E Forward 13,1 của VNINDEX không hẳn đã hấp dẫn hơn so với các nước trong khu vực.

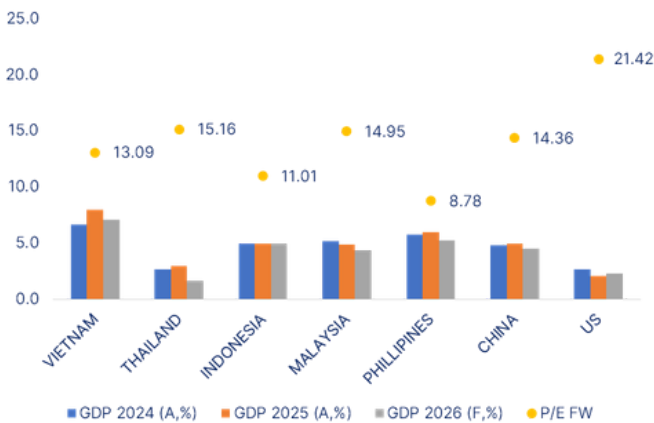
**Định giá TTCK VN**



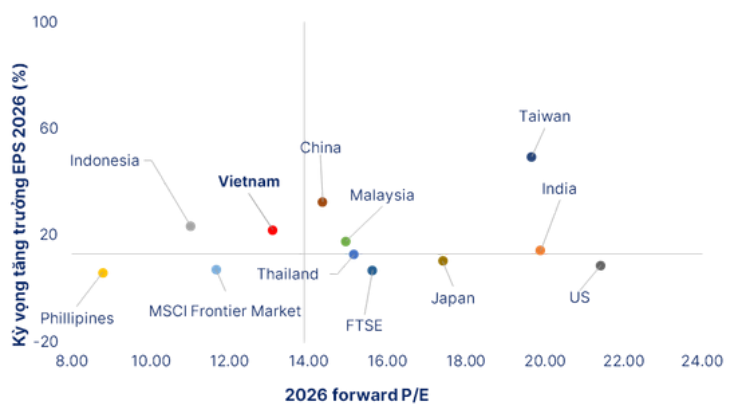
**P/E forward VNIndex**



**TTCK VN so với các nước trên thế giới**



**Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Forward 2026**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research

## LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 05-2026

([Trở về trang mục lục](#))



**Sự kiện trong nước**

Các thay đổi chỉ số VN30, VNFINLEAD, VNDIAMOND có hiệu lực áp dụng



**Sự kiện trong nước**

Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 4/2026



**Sự kiện**

MSCI công bố review bộ chỉ số



**Sự kiện trong nước**

Ngày giao dịch cuối cùng (GDCC) của HĐTL VN30 tháng 05/2026

01/05

**Sự kiện quốc tế**  
Mỹ công bố chỉ số PMI



04/05

**Sự kiện trong nước**

Các thay đổi chỉ số VN30, VNFINLEAD, VNDIAMOND có hiệu lực áp dụng

06/05

**Sự kiện trong nước**

Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 4/2026

12/05

**Sự kiện quốc tế**  
Công bố chỉ số CPI ở Mỹ



20/05

**Sự kiện quốc tế**  
Công bố chỉ số CPI ở Châu Âu



21/05

**Sự kiện trong nước**

Ngày giao dịch cuối cùng (GDCC) của HĐTL VN30 tháng 05/2026

Nguồn: SHS Research

# DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ



# DANH SÁCH NGÀNH KHUYẾN NGHỊ

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

STT	NGÀNH	Điểm nhấn đầu tư
1	Chứng khoán	Trong trung hạn, ngành chứng khoán hưởng lợi từ việc FTSE công bố nâng hạng thị trường khi thu hút thêm dòng vốn ngoại và thanh khoản thị trường tăng. Kỳ vọng thị trường được đưa vào danh sách theo dõi của MSCI trong kỳ xem xét tháng 6.
2	BDS dân cư	Một số doanh nghiệp lớn đang mở bán và ghi nhận lợi nhuận từ các dự án lớn. Giá của nhiều cổ phiếu trong ngành dự báo có thể phục hồi sau giai đoạn giảm mạnh và tích lũy.
3	Ngân hàng	Ngành chủ chốt của thị trường, nhiều NH đặt kế hoạch tăng trưởng cao. Nhóm ngân hàng chiếm vốn hóa lớn trên thị trường và cũng được kỳ vọng thu hút dòng vốn ngoại sau khi thị trường chính thức nâng hạng.
4	Phân bón	Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN trong ngành
5	Thép	Hưởng lợi từ xu thế đẩy mạnh đầu tư công và chính sách bảo hộ sau khi Bộ Công Thương chính thức áp thuế CBPG với HRC khổ rộng nhập khẩu từ Trung Quốc.

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

Mã	Hiệu suất hiện tại	Giá hiện tại (06/05/2026)	Giá mục tiêu PTCB	Giá mục tiêu PTKT	Ghi chú
HPG	2,8%	27.600	36.200		Duy trì
MWG	9,8%	86.000	99.200		Duy trì
REE	-4,5%	61.500	80.900		Duy trì
PC1	-23,1%	19.800	29.500		<b>Loại do giá biến động bất thường</b>
MBB	-4,5%	26.050	31.000		Duy trì
SSI	5,8%	28.500		34.000	Duy trì
VIX	11%	17.600		19.000	Duy trì
VHM	29,1%	151.000		130.000	<b>Giá vượt mục tiêu, chốt lãi</b>
VCB		60.500	75.000		Thêm mới
VPB		28.000		31.500	Thêm mới
MSB		12.750		14.500	Thêm mới
DCM		42.600	49.500		Thêm mới

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NGẮN HẠN THEO CƠ BẢN

([Trở về trang mục lục](#))

STT	Mã	Giá đóng cửa (06/05/2026)	Target Price	Upside	Thời gian	Điểm nhấn đầu tư
1	HPG	27.600	36.200	31,1%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động xây dựng nội địa phục hồi cùng đà tăng giá bán từ 4/2026 giúp biên lợi nhuận cải thiện nhờ lợi thế tồn kho.</li><li>- Doanh thu, lợi nhuận 2026 tăng trưởng mạnh nhờ vận hành toàn bộ dự án Dung Quất 2. Hưởng lợi từ áp thuế cbpg với HRC khổ rộng từ TQ. Kế hoạch doanh thu +32,6%, lãi sau thuế +42%.</li><li>- Quý I ghi nhận thêm 3.800 tỷ lợi nhuận từ việc chuyển nhượng dự án Phố Nối A.</li></ul>
2	MWG	86.000	99.200	15,3%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tăng trưởng doanh thu mạnh nhờ mở rộng thị phần bán lẻ điện tử (SSSG cao tại TGDĐ &amp; ĐMX) và bách hóa, đầu tư tài chính.</li><li>- Quý 2: có lợi thế hàng tồn kho giá thấp; BHX mở rộng nhanh (~1.000 cửa hàng) nhưng vẫn duy trì kiểm soát chi phí tốt.</li><li>- Kế hoạch doanh thu 185.000 tỷ (+18%) và LNST 9.200 tỷ (+30%).</li><li>- Kỳ vọng catalyst từ kế hoạch IPO Điện Máy Xanh trong năm 2026.</li></ul>
3	MBB	26.050	31.000	19%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiềm năng tăng trưởng tín dụng duy trì cao năm 2026 nhờ nhận chuyển giao bắt buộc Ocean Bank.</li><li>- Lợi thế CASA bù đắp cho NIM giảm trong ngắn hạn.</li><li>- KH lợi nhuận trước thuế tăng 15% năm 2026, nợ xấu không quá 1,5%, ROE 20%-21%. Cổ tức 2025 tỷ lệ 15% cổ phiếu, 10% tiền mặt.</li></ul>
4	VCB	60.500	75.000	23,9%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sở hữu chất lượng tài sản Top 1 ngành NH.</li><li>- Hưởng lợi tiềm năng từ tái cơ cấu VCBNeo (nới room ngoại, tăng trưởng tín dụng cao hơn các NH khác).</li><li>- Định giá đang ở mức chiết khấu hấp dẫn so với lịch sử, an toàn khi thị trường biến động.</li></ul>
5	REE	61.500	80.900	31,5%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- An ninh năng lượng đang được quan tâm nhiều trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông. REE đã đầu tư vào 1.268MW công suất thủy điện, năm 2026 tăng 2,4x công suất điện gió (302MW) và tiếp tục mở rộng công suất trung bình 300 mw/năm.</li><li>- KH 2026 doanh thu +22%, lợi nhuận +11%.</li></ul>
6	DCM	42.600	49.500	16,2%	12M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả kinh doanh Q1/2026 tăng trưởng mạnh 93% nhờ giá phân bón neo cao và lượng hàng tồn kho lớn từ 2025.</li><li>- Kỳ vọng giá urea tiếp tục giao dịch ở vùng giá cao hơn trong 2026</li></ul>

([Click vào từng mã để xem nội dung chi tiết](#))

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NGẮN HẠN THEO PTKT

*(Trở về trang mục lục)*

STT	Mã	Giá đóng cửa (06/05/2026)	Target Price	Upside	Thời gian	Điểm nhấn đầu tư
7	SSI	28.500	34.000	23%	6M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Duy trì vị thế trong mảng khách hàng tổ chức nước ngoài, có thể hưởng lợi sau khi Việt Nam được chính thức nâng hạng thị trường.</li><li>- Kế hoạch 2026 doanh thu tăng 20%, lợi nhuận tăng 15%, chia cổ tức 10% tiền và 20% cổ phiếu.</li><li>- Giá đã giảm 30% từ đỉnh.</li></ul>
8	VIX	17.800	19.000	13,8%	6M	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sàn tài sản mã hóa VIX (VIXEX) kỳ vọng sẽ được cấp phép để triển khai hoạt động thí điểm.</li><li>- Tiếp tục tăng vốn.</li></ul>
9	MSB	12.750	14.500	13,7%	6M	<ul style="list-style-type: none"><li>- KH 2026, lợi nhuận trước thuế tăng 13%, nợ xấu dưới 3%, lợi nhuận Q1 tăng 16% so với cùng kỳ.</li><li>- Chia cổ phiếu thưởng 20%</li></ul>
10	VPB	28.000	31.500	12,5%	6M	<p>Kế hoạch lợi nhuận 2026 tăng mạnh 35%, Q1 hoàn thành 19,2%.</p> <p>Chia cổ tức 2025 bằng tiền 5% và cổ phiếu thưởng 26,04%, phát hành riêng lẻ cho NĐT ngoại để tăng vốn lên cao nhất hệ thống.</p>

## Danh mục theo dõi

STT	Mã	Giá mục tiêu	Link báo cáo
1	PNJ	110.200	<a href="#">PNJ - GIỮ BIÊN LỢI NHUẬN, BỀN BỈ VỀ ĐÍCH</a>
2	HPG	34.300	<a href="#">HPG - Củng cố vị thế dẫn đầu</a>
3	DPM	41.200	<a href="#">DPM - Tăng trưởng ổn định</a>
4	PVS	43.300	<a href="#">PVS - Hoạt Động M&amp;C dầu khí trong nước khởi sắc với các dự án lớn</a>
5	REE	93.000	<a href="#">REE Triển vọng tăng trưởng tích cực</a>
6	CTR	159.600	<a href="#">CTR upside 34.7% nền móng cho giai đoạn siêu kết nối</a>
7	CTG	47.600	<a href="#">CTG - Cao điểm lợi nhuận sau giai đoạn tang trích lập dự phòng xử lý nợ xấu</a>
8	DGC	134.000	<a href="#">Dự án Tổ hợp Công cộng, Trường học và Nhà ở Đức Giang chính thức được phê duyệt.</a>
9	VPB	23.500	<a href="#">VPB - Triển vọng tăng trưởng nhờ dự địa mở rộng tín dụng.</a>
10	DCM	42.400	<a href="#">Báo cáo Cập nhật cổ phiếu DCM</a>
11	SIP	127.000	<a href="#">SIP_Người khổng lồ đón sóng FDI</a>
12	VTP	168.900	<a href="#">VTP Kỳ lân logistics công nghệ Việt Nam</a>
13	FPT	118.500	<a href="#">FPT - VỮNG VÀNG TRONG BÃO</a>
14	HCM	25.800	<a href="#">BAO CAO PHAN TICH CO PHIEU HCM</a>
15	TCH	17.500	<a href="#">TCH - CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN LỚN BƯỚC VÀO CHU KỲ KINH DOANH</a>
16	PVD	19.450	<a href="#">PVD - SẴN SÀNG CHO THỜI KỲ BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ DẦU</a>
17	PHP	43.536	<a href="#">PHP - KHI XUÂN SANG TRÊN BẾN CẢNG PHP</a>
18	CSV	38.100	<a href="#">Thị trường Hóa chất dần hồi phục, Động lực tăng trưởng dài hạn từ Dự án KCN Nhơn Trạch 6</a>
19	TCB	45.000	<a href="#">TCB - THỜI THỂ TẠO ANH HÙNG</a>
20	SHB	-	<a href="#">TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC TRÊN CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</a>
21	TAL	54.100	<a href="#">TAL - Doanh nghiệp bất động sản giàu tham vọng</a>
22	VGC	73.600	<a href="#">VGC - KQKD bút phá vượt xa kỳ vọng</a>
23	HDG	31.262	<a href="#">HDG - Vượt qua khó khăn</a>
24	F88	-	<a href="#">F88 Báo cáo niêm yết Chào sàn lọc phát</a>
25	GAS	72.500	<a href="#">GAS - Kinh doanh LPG VÀ LNG dẫn dắt tăng trưởng doanh thu dài hạn.</a>
26	PC1	34.000	<a href="#">PC1 Triển vọng dài hạn từ quy hoạch điện 8 và mỏ Nickel</a>
27	IJC	17.400	<a href="#">IJC - Định hình tăng trưởng dài hạn</a>
28	MWG	99.200	<a href="#">Chu kỳ tăng trưởng mới, tiến tới IPO</a>
29	VPBS	-	<a href="#">VPBS IPO - CƠ HỘI ĐỒNG HÀNH CÙNG VPBS</a>

## Danh mục theo dõi

STT	Mã	Giá mục tiêu	Link báo cáo
30	HVN	40.300	<a href="#"><u>HVN_VƯỜN CAO CÙNG ĐẤT NƯỚC</u></a>
31	VCK	-	<a href="#"><u>VPS (VCK): BOM TẤN IPO CUỐI NĂM</u></a>
32	MSN	98.300	<a href="#"><u>MSN - DẪN DẮT TIÊU DÙNG - BÁN LẺ, BỨT PHÁ TĂNG TRƯỞNG</u></a>
33	BSR	17.870	<a href="#"><u>BSR - Doanh thu phục hồi trong ngắn hạn, Dự án nâng cấp Dung Quất mở ra tăng trưởng dài hạn</u></a>
34	ANV	-	<a href="#"><u>ANV - XÂY LẠI NỀN TẢNG - DẪN ĐẦU THỜI CUỘC</u></a>
35	SCS	85.000	<a href="#"><u>SCS_BÁO CÁO LẦN ĐẦU PHÁO ĐÀI MẶT ĐẤT TÂN SƠN NHẤT</u></a>
36	HPA	51.000	<a href="#"><u>TỪ THÉP HÒA PHÁT ĐẾN CHUỖI NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ CAO của HPA</u></a>
37	AST	82.700	<a href="#"><u>AST - BÁO CÁO LẦN ĐẦU - CẮT CÁNH TĂNG TRƯỞNG</u></a>
38	DDV	33.500	<a href="#"><u>DDV - BỨT PHÁ TỪ CHU KỲ THUẬN LỢI CỦA NGÀNH, ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG TỪ DỰ ÁN MAP.</u></a>
39	KLB	-	<a href="#"><u>KIENLONGBANK - KỶ VỌNG TĂNG TRƯỞNG TỪ MỨC NỀN TIỀM NĂNG</u></a>
40	VCB	75.000	<a href="#"><u>VCB - TIỀM NĂNG TỪ NHU CẦU TÍN DỤNG PHỤC VỤ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG VÀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN HÀNG ĐẦU</u></a>
41	STB	70.000	<a href="#"><u>STB - KỶ NGUYÊN MỚI</u></a>
42	IDC	52.300	<a href="#"><u>IDC - BỨT PHÁ TỪ CHU KỲ THUẬN LỢI CỦA NGÀNH</u></a>
43	NLG	35.500	<a href="#"><u>NLG - SẴN SÀNG "BUNG HÀNG"</u></a>
44	HDB	30.000	<a href="#"><u>HDB - LỢI THẾ HẠN MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU NGÀNH</u></a>
45	ACV	60.000	<a href="#"><u>ACV - VẬN HỘI MỚI TỪ QUY MÔ HẠ TẦNG THIẾT LẬP CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG</u></a>
46	GMD	86.800	<a href="#"><u>GMD - TĂNG TRƯỞNG TRONG CHU KỲ MỚI</u></a>

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & WEALTH MANAGEMENT**

[Wealth Management Vol. 10: Thị trường Tín chỉ Carbon – Việt Nam trên đường đua Net-Zero](#)

[Báo cáo chiến lược tháng 4/2026](#)

[Wealth Management Vol. 09: GÓT CHÂN ACHILLES](#)

[Báo cáo chiến lược tháng 3/2026](#)

[Báo Cáo Về Lao Động & Giáo Dục](#)

[Báo cáo Chiến lược tháng 02/2026](#)

[BÁO CÁO PHÂN BỐ TÀI SẢN T1/2026](#)

[BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: CÂN BẰNG RỦI RO - LỢI NHUẬN](#)

[Báo Cáo Chiến Lược Vĩ Mô 2026: Vó Ngựa Thời Vận](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 11/2025](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 12/2025](#)

[Wealth Management vol. 08: TRI – TRÍ – TÂM](#)

[Báo Cáo về Vàng](#)

[Wealth Management vol. 07: Game-Changer](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 10/2025](#)

[Báo Cáo Địa Chính Trị Thế Giới](#)

[Báo Cáo về Giá nhà & Giấc mơ an cư của người Việt](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 09/2025](#)

[Wealth Management vol. 06: Doanh Nghiệp phồn thịnh - Quốc gia hùng cường](#)

[Wealth Management vol. 05: Kim Chỉ Nam Mới Cho Sự Thịnh Vượng Của Giới Đầu Tư Giàu Việt Nam](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 08/2025](#)

[Báo Cáo TT14 & Luật Hóa NQ42](#)

[Wealth Management vol. 04: Kế thừa hay chuyển giao](#)

[SHS Outlook H2/2025 – “Trend Following”: “Nếu bạn vẫn tin VN-Index mắc kẹt ở 1.300 điểm, hãy chuẩn bị tinh thần cho lữ sóng”.](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 06/2025](#)

[Wealth Management vol. 03: Trung tâm Tài chính Quốc tế](#)

[Báo cáo Chiến lược Tháng 05/2025](#)

[Wealth Management vol. 02: Nghị Quyết 57-66-68](#)

[Wealth Management vol. 01](#)

[Triển vọng nâng hạng thị trường lên FTSE Secondary Emerging Market](#)

## **BÁO CÁO NGÀNH**

[BÁO CÁO NGÀNH DẦU KHÍ 03.2026](#)

[Báo cáo Ngành phân bón 03/2026](#)

[BÁO CÁO NGÀNH LOGISTICS VIỆT NAM](#)

[Báo cáo ngành bất động sản khu công nghiệp](#)

[BÁO CÁO NGÀNH BÁN LẺ HÀNG TIÊU DÙNG](#)

[NGÀNH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - ĐÓN KỶ NGUYÊN MỚI](#)

[Ngành điện - Tăng trưởng cùng đất nước](#)

[BÁO CÁO NGÀNH: Giá Phân bón neo cao - Cơ hội nào cho Nhà đầu tư](#)

## **BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 1/2026](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 2/2026](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 3/2026](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 4/2026](#)

[Báo cáo Thị Trường Tiền Tệ & Trái Phiếu tháng 5/2026](#)

# CONTACT INFORMATION

[\(Trở về trang mục lục\)](#)

## Research & Analysis Center

Nguyen Minh Hanh

Head of Research

Hanh.nm@shs.com.vn

## Macro & Market Strategy

### Macro

Vu Tuan Duy

Analyst

Duy.vt@shs.com.vn

### Market Strategy

Phan Tan Nhat

Research Manager

Nhat.pt@shs.com.vn

## Equity

### Financial

Doan Thi Anh Nguyet

Team Lead

Nguyet.dta@shs.com.vn

Le Thu Huyen

Analyst

Huyen.lt@shs.com.vn

### Material

Ngo The Hien

Research Manager

Hien.nth@shs.com.vn

Vu Nhat Anh

Analyst

Anh.vn@shs.com.vn

### Real Estate

Pham Hong Son

Research Manager

Son.ph@shs.com.vn

Le Anh Thang

Research Manager

Thang.la@shs.com.vn

### Industrial

Nguyen Thanh Hoa

Research Manager

Hoa.nt@shs.com.vn

### IT

Ngo The Hien

Research Manager

Hien.nth@shs.com.vn

### Communication

Nguyen Thanh Hoa

Team Lead

Hoa.nt@shs.com.vn

### Energy

Le Nguyen Tu Anh

Analyst

Anh.lnt@shs.com.vn

### Health Care

Nguyen Thanh Hoa

Research Manager

Hoa.nt@shs.com.vn

### Utilities

Pham Hong Son

Research Manager

Son.ph@shs.com.vn

### Consumer Discretionary

Le Thu Huyen

Analyst

Huyen.lt@shs.com.vn

### Consumer Staples

Doan Thi Anh Nguyet

Team Lead

Nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc (dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách) cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

## MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

### Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



# SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: [shs.com.vn](https://shs.com.vn)



Tel: 1900 63 8588



Email: [hotrokhachhang@shs.com.vn](mailto:hotrokhachhang@shs.com.vn)



### GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: [sboard.shs.com.vn](https://sboard.shs.com.vn)

Web trading: [shsmart.shs.com.vn](https://shsmart.shs.com.vn)